

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX

THÁNG 5 NĂM 1996



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM

DIỄN VĂN KHAI MẠC

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX

*(Do đồng chí Đinh Trung, Ủy viên Trung ương Đảng,
Bí thư Tỉnh ủy đọc tại Đại hội ngày 25-4-1996)*



Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các đồng chí và các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương theo tinh thần chỉ thị 51 của Ban Bí thư, được sự đồng ý của Ban Bí thư, hôm nay Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ IX trọng thể khai mạc.

Đại hội được tiến hành trong khí thế hào hùng của những ngày tháng 4 lịch sử, mừng 21 năm quê hương Bình Thuận hoàn toàn giải phóng, mừng thành tựu của đất nước qua 10 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, mừng những tiến bộ và kết quả đạt được của Đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ qua.

Trong ngày hội trọng đại này, Đại hội chúng ta tưởng nhớ và bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với

Bác Hồ kính yêu, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, người thầy của cách mạng Việt Nam, người sáng lập, tổ chức, giáo dục, rèn luyện Đảng ta trưởng thành. Tư tưởng của Người là kết tinh của sự quán triệt, thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, mãi mãi là nền tảng, là ngọn đèn pha soi sáng cho mọi suy nghĩ và hành động của chúng ta.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ đến những đồng chí cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào đã hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, góp phần làm cho đất nước, quê hương đơm hoa, kết trái ngày nay. Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII, tôi nhiệt liệt chào mừng 348 đại biểu chính thức, đại diện cho hơn 9.000 đảng viên, tiêu biểu cho trí tuệ và sức chiến đấu của Đảng bộ.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng đồng chí Huỳnh Văn Niêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Chiểu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Bảo vệ Chính trị Nội bộ Trung ương và các đồng chí chuyên viên Văn phòng Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về dự chỉ đạo và theo dõi Đại hội.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng đồng chí Lê Văn Hiền, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thuận Hải, các đồng chí nguyên Thường vụ Khu ủy Khu 6, đồng chí Trần Ngọc Trác

nguyên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thuận Hải, đồng chí Ngô Triều Sơn - nguyên Quyền Bí thư tỉnh ủy Bình Thuận, đồng chí Hứa Minh Trí nguyên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thuận Hải, các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải, Bình Thuận, đại diện các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, các đồng chí đại diện Ban liên lạc Hội đồng hương tại thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình của Trung ương và địa phương.

Đến dự buổi khai mạc Đại hội, có đồng chí Hoàng Thế Viên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các đồng chí trong đoàn Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang, mang đến cho chúng ta tình cảm kết nghĩa keo sơn, thắm thiết.

Sự có mặt của các đồng chí và các vị khách quý là nguồn động viên, cổ vũ lớn lao đối với Đại hội chúng ta.

Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Đoàn Chủ tịch tôi xin chân thành cảm ơn sự có mặt của các đồng chí và các vị.

Thư các đồng chí Đại biểu.

Mỗi lần Đại hội đều có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh nhà lên một bước mới. Đại hội lần này có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá những tiến bộ và kết quả đạt được, những khuyết điểm, yếu kém, chỉ ra những nguyên nhân, kinh nghiệm trong việc thực hiện nghị quyết

nhiệm kỳ qua. Trên cơ sở đó, Đại hội sẽ bàn và quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu cho 5 năm tới (1996 - 2000) nhằm đưa tỉnh nhà phát triển toàn diện với tốc độ nhanh hơn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung cho công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn; xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ, vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc vào đầu thế kỷ XXI. Đây là nội dung được chuẩn bị khá công phu, được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ chủ chốt, trong đảng viên và ở Đại hội các huyện, thị, Đảng bộ trực thuộc. Tỉnh ủy đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa thành báo cáo chính thức đưa xuống các đoàn Đại biểu thảo luận, đóng góp ý kiến và được tổng hợp những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Đoàn Chủ tịch sẽ báo cáo với Đại hội. Vì vậy, ở Đại hội này, các đại biểu không phải thảo luận lại toàn bộ nội dung của báo cáo mà tập trung thảo luận, phân tích, tranh luận để đi đến thống nhất về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau đó.

Đại hội chúng ta sẽ thảo luận những vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau đối với các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) trình Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổng hợp qua việc tổ chức thảo luận, lấy ý kiến của đông đảo cán bộ, đảng viên cũng như qua Đại hội đảng bộ cấp dưới. Đại hội sẽ biểu quyết xu

hướng các vấn đề trọng tâm của dự thảo các văn kiện.

Công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành khóa IX là một nội dung có tầm quan trọng đặc biệt của Đại hội. Ban Chấp hành khóa VIII đã triển khai sớm, tiến hành nghiêm túc từ dưới lên và từ trên xuống một cách dân chủ, tập thể, bảo đảm nguyên tắc, đúng quy trình. Đã tham khảo được nhiều ý kiến của đảng viên, cán bộ chủ chốt, của các tổ chức Đảng, đoàn thể về phương hướng cấu tạo, tiêu chuẩn gắn với con người cụ thể được giới thiệu vào Ban Chấp hành khóa IX. Đây là cơ sở rất quan trọng góp phần cho Ban chấp hành khóa VIII lựa chọn nhân sự hình thành danh sách Ban Chấp hành khóa IX, trình Đại hội xem xét, quyết định.

Đại hội chúng ta cũng sẽ bầu Đoàn Đại biểu, tiêu biểu cho trí tuệ, phẩm chất của Đảng bộ đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng để góp phần vào thành công của Đại hội.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy trí tuệ, với tâm huyết của mình đóng góp nhiều ý kiến quý báu vào báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cũng như vào các dự thảo văn kiện của Trung ương ; Nhiệt liệt hoan nghênh các đồng chí đảng viên, cán bộ chủ chốt, cấp ủy các cấp đã góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị nhân sự Ban chấp hành khóa IX. Nhiệt liệt biểu dương các cấp, các ngành, các đoàn

thể, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, trong thời gian qua đã tích cực thi đua lập được nhiều thành tích chào mừng Đại hội.

Thưa các đồng chí Đại biểu.

Nhiệm vụ của Đại hội lần này rất quan trọng và cũng rất nặng nề. Trách nhiệm của Đại hội chúng ta là bảo đảm cho Đại hội thành công tốt đẹp. Vì vậy, tôi mong các đồng chí Đại biểu phát huy trí tuệ, nắm vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận, tranh luận, đóng góp nhiều ý kiến bổ ích, có chất lượng, tạo cho được sự nhất trí cao trong đánh giá tình hình, cũng như xác định phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ 5 năm tới của Đảng bộ tỉnh nhà, trong các nội dung chủ yếu của các văn kiện Trung ương, trong việc bầu cử, ứng cử, tạo bầu không khí đoàn kết, tin cậy lẫn nhau. Sáng suốt lựa chọn những đảng viên có đức, có tài bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX, tiêu biểu cho phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trí tuệ của Đảng bộ, có đủ năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội. Đồng thời phải tuân thủ, thực hiện tốt quy chế làm việc của Đại hội để bảo đảm cho Đại hội được tiến hành thông suốt theo chương trình đã đề ra.

Với trọng trách như vậy, Đại hội chúng ta quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của mình để xứng đáng và đáp ứng lòng mong đợi, tin tưởng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Với lòng tin tưởng, phấn khởi, tinh thần đoàn kết, dân chủ, trí tuệ, thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi tuyên bố khai mạc Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ IX.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp, chúc sức khỏe các đồng chí đại biểu, các đồng chí và các vị khách quý.



BÁO CÁO

CỦA TỈNH ỦY BÌNH THUẬN TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IX

*(Do đồng chí Đặng Văn Hải, Phó Bí thư Tỉnh ủy -
Chủ tịch UBND tỉnh trình bày)*



Bốn năm qua thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 8, Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ trong bối cảnh công cuộc đổi mới đất nước đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, mở ra vận hội, thời cơ mới, đồng thời cũng xuất hiện những khó khăn, thách thức lớn. Trong điều kiện tỉnh ta vừa mới chia tách, kết cấu hạ tầng yếu kém, liên tiếp bị hạn hán, lũ lụt, các thế lực thù địch bên trong và bên ngoài cấu kết thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình ; Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đề ra.

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI 8, NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU GIỮA NHIỆM KỲ.

I - NHỮNG TIẾN BỘ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.

1. Kết quả có ý nghĩa quan trọng là tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục với nhịp độ cao. Thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng bình quân hàng năm 12,04%, trong đó GDP của ngành nông, lâm nghiệp tăng 6,14%, thủy sản tăng 10,5%, công nghiệp 20,1%, dịch vụ 16,63%.

Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, gắn với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, dịch vụ khuyến nông có tác dụng thúc đẩy sản xuất và nâng cao hiệu quả. Diện tích canh tác, năng suất và sản lượng nhiều loại cây trồng đều tăng. Lương thực năm 1995 đạt 262.000 tấn, vượt 4,84% kế hoạch, bình quân mỗi năm tăng trên 1 vạn tấn. Cơ cấu cây trồng chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả như : điều, cao su, thanh long tương đối tập trung, kinh tế vườn phát triển khá,

hiệu quả rõ rệt. Chăn nuôi tăng bình quân hàng năm 14,25%.

Đã tổ chức lại nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, sắp xếp lại các lâm trường, chuyển thành đơn vị sự nghiệp. Trồng rừng tập trung đạt kết quả khá, bằng nhiều nguồn vốn trong 5 năm trồng hơn 14.000 ha rừng tập trung, tỷ lệ sống trên 85% và 7 triệu cây phân tán, diện tích rừng được giao khoán, bảo vệ 160.000 ha. Thực hiện tương đối tốt cuộc vận động định canh, định cư ; kinh tế xã hội miền núi có chuyển biến.

Năng lực khai thác hải sản tăng nhanh, chủ yếu là thuyền có công suất lớn, năm 1995 tăng 40% về thuyền và 2,1 lần về công suất so với năm 1991. Một số nơi, ngư dân bắt đầu trang bị phương tiện thông tin, máy đo sâu, dò cá trong đánh bắt. Nghề khai thác cá đáy ; khai thác khơi ở vùng biển Trường Sa đạt hiệu quả. Sản lượng khai thác hàng năm đều đạt kế hoạch, năm 1995 đạt 95.000 tấn, tăng 20.000 tấn so với năm 1991. Diện tích nuôi tôm được mở rộng. Công tác bảo vệ nguồn lợi hải sản được tăng cường.

Đầu tư xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp quốc doanh : chế biến nông sản, lâm sản, muối, nước khoáng, may mặc, bia hơi, lò nung gạch Tuynen, trong đó Xí nghiệp Chế biến hạt điều, muối Vinh Hảo, nước khoáng kinh doanh có hiệu quả. Một số xí nghiệp đầu tư mở rộng, đổi mới thiết bị, giữ vững thị trường, sản xuất phát triển. Công nghiệp ngoài

quốc doanh phát triển khá nhanh như sản xuất nước đá, vật liệu xây dựng, chế biến thủy sản...

Kinh tế đối ngoại bước đầu có chuyển biến, 9 dự án được cấp giấy phép, tổng vốn đầu tư 43 triệu USD, các dự án đang được triển khai, một số cơ sở đã hoạt động. Tiếp nhận viện trợ quốc tế phục vụ các chương trình kinh tế - xã hội mang lại kết quả thiết thực. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm thời kỳ 1991 - 1995 25,5%. Thị trường xã hội được mở rộng dần, nhiều tụ điểm thương mại, dịch vụ được hình thành ở các vùng dân cư tập trung. Tổng mức bán lẻ tăng bình quân 17,5%, hàng hóa phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Dịch vụ thông tin liên lạc phát triển nhanh, từng bước hiện đại hóa và nâng cao chất lượng, có 94/110 xã trang bị máy điện thoại, 8/9 huyện, thị xã có tổng đài điện thoại tự động, bảo đảm liên lạc thông suốt, kịp thời. Các dịch vụ vận tải, bảo hiểm, tín dụng, tư vấn... được mở rộng. Hoạt động khoa học công nghệ đạt một số kết quả trong việc ứng dụng kỹ thuật sinh học (lai tạo giống cây, con, nuôi tôm), sử dụng vật liệu mới đóng vỏ thuyền, thực hiện mô hình nông, lâm kết hợp...

Tổng thu ngân sách Nhà nước bình quân năm sau cao hơn năm trước 34%, bảo đảm cơ bản nhu cầu chi, có chú ý chi tập trung cho đầu tư phát triển. Hoạt động ngân hàng có chuyển biến, phương thức kinh doanh linh hoạt, tăng nhanh nguồn vốn huy động, mở rộng cho vay đến kinh tế hộ, góp phần

xóa đói, giảm nghèo. Hình thành một số quỹ tín dụng nhân dân và ngân hàng phục vụ người nghèo.

2. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng.

Cơ cấu kinh tế chung chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ : tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp trong GDP từ 57,3% năm 1991 giảm xuống 36,5% năm 1995, ngành thủy sản tăng từ 11,9% lên 13,0%, ngành công nghiệp xây dựng tăng từ 7,4% lên 20,5%, trong đó riêng ngành xây dựng từ 1,48% tăng lên 7,8%, nhóm ngành dịch vụ tăng từ 23,4% năm 1991 lên 30% năm 1995.

Cơ cấu nội bộ một số ngành kinh tế chủ yếu cũng có sự chuyển đổi tích cực. Trong nông nghiệp, chăn nuôi tăng từ 18,1% năm 1991 lên 22,5% năm 1995. Giá trị nhóm cây công nghiệp, cây ăn quả chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong ngành trồng trọt. Ngành lâm nghiệp tăng tỷ trọng khu vực lâm sinh, ngành thủy sản tăng sản lượng khai thác cá đáy. Công nghiệp chế biến tăng tỷ trọng từ 79% năm 1991 lên 84,3% năm 1995 so với toàn ngành công nghiệp... Tỷ trọng kinh tế quốc doanh từ 15,16% năm 1991 lên 23,6% năm 1995.

3. Nguồn vốn đầu tư của toàn xã hội được huy động nhiều hơn cho đầu tư phát triển, cơ cấu đầu tư được điều chỉnh, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong 5 năm 1991 - 1995 tổng vốn đầu tư của toàn xã hội khoảng 1350 tỷ

đồng (chưa kể nguồn vốn của dân đầu tư xây dựng nhà ở, mua sắm phương tiện sinh hoạt), trong đó nguồn vốn tích lũy từ địa phương chiếm 13,5% GDP. Nguồn vốn ngân sách tập trung đầu tư xây dựng nhiều công trình thủy lợi, đưa diện tích tưới chủ động tăng thêm 7.000 ha. Nhiều tuyến giao thông trọng yếu, đường nội thị được nâng cấp và nhựa hóa, khai thông một số tuyến đường lên miền núi, xây dựng cảng, nạo vét, khơi thông các cửa biển. Lưới điện trung thế, hạ thế phát triển nhanh, nâng số hộ dùng điện lên 44%. Hiện đại hóa một bước thông tin liên lạc. Đã tập trung đầu tư chống xuống cấp 2 ngành giáo dục và y tế, phát triển trường lớp, nâng cấp cơ sở và bổ sung thiết bị khám và chữa bệnh, xây dựng công trình văn hóa, mở rộng mạng lưới phát thanh truyền hình. Đầu tư thích đáng chỉnh trang đô thị, đổi mới bộ mặt thị xã Phan Thiết và một số thị trấn huyện lỵ.

4. Chăm lo giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội :

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai tích cực, tỷ lệ giảm sinh hàng năm 0,093%. Thực hiện các dự án, chương trình kinh tế, phân bổ dân cư và bằng nhiều hình thức khác từ các thành phần kinh tế, hàng năm đã giải quyết 15.000 lao động có việc làm. Bộ mặt xã hội ở đô thị và một số vùng nông thôn được đổi mới. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ổn định, số đông được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người năm 1995

tăng 42% so với năm 1991. Xuất hiện nhiều mô hình làm ăn giỏi. Số hộ giàu và khá từ 22,2% năm 1992 tăng lên 26,13% năm 1995, số hộ nghèo giảm từ 32,4% xuống 25,6% trong đó hộ cực nghèo 5,75%. Chính sách đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện được các cấp, các ngành quan tâm hơn.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo có chuyển biến, quy mô giáo dục tiếp tục mở rộng ở tất cả các ngành học, cấp học ; chất lượng dạy và học nâng dần lên. Thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục có kết quả. Mạng lưới trường lớp được mở rộng, xây dựng mới một số trường chuyên nghiệp, trường bán công, trường dân tộc nội trú, các lớp dạy nghề ; nhiều lớp mẫu giáo, nhà trẻ dân lập, tư thục được hình thành. Số học sinh hàng năm đều tăng, học sinh lưu ban, bỏ học giảm. Chính sách đối với giáo dục miền núi, hải đảo được quan tâm, bước đầu ngăn chặn tình trạng sa sút, từng bước khôi phục và phát triển. Phong trào học ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ, lý luận trong cán bộ công nhân viên chức phát triển mạnh. Giáo dục chuyên nghiệp có cố gắng đa dạng hóa đào tạo và phổ cập dạy nghề, chuẩn hóa đại học, cao đẳng, trung cấp hoàn chỉnh cho hàng nghìn giáo viên.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu đạt kết quả. Mạng lưới y tế được củng cố, nhiều bệnh viện được nâng cấp, cơ bản xóa xã trắng về cơ sở y tế, khống chế được một số dịch bệnh, tỷ lệ tử vong sốt rét giảm. Hoạt động thể thao thể dục có tiến bộ.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ đúng hướng, xây dựng thêm nhiều công trình và các tụ điểm văn hóa. Phong trào văn nghệ quần chúng, văn hóa truyền thống được duy trì, nhiều cuộc hội thi, hội diễn phục vụ các ngày lễ, thu hút đông đảo người tham gia. Nội dung và chất lượng thông tin của báo, đài từng bước được cải tiến, góp phần phục vụ được các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

5. Quốc phòng và an ninh được giữ vững, không để xảy ra biến động xấu. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân từng bước được củng cố. Các khu vực phòng thủ, phương án tác chiến, kế hoạch chống diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ được bổ sung, tiến hành diễn tập ở các cấp đạt yêu cầu. Lực lượng dân quân tự vệ được tăng cường cả về số và chất lượng. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang và công an nhân dân có tiến bộ về giáo dục tư tưởng, huấn luyện và chăm lo đời sống. Liên tục mở nhiều đợt tấn công, kết hợp với phát động quần chúng đấu tranh trấn áp tội phạm, bảo đảm được an ninh chính trị. Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, kiềm chế và xử lý nhiều tội phạm hình sự, kinh tế. Trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị được triển khai tích cực. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc có bước phát triển.

6. Hệ thống chính trị từng bước được củng cố, vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền được nâng lên, dân chủ xã

hội tiếp tục mở rộng, phong trào quần chúng trên nhiều lĩnh vực có chuyển biến.

Công tác xây dựng Đảng có bước chuyển biến về chính trị, tư tưởng và tổ chức cán bộ. Công tác tư tưởng đổi mới theo hướng mở rộng dân chủ, tập trung giáo dục quán triệt quan điểm đường lối của Đảng. Nhiều chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước được phổ biến kịp thời. Mở nhiều lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nhận thức, tuyên truyền giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác chống âm mưu diễn biến hòa bình. Việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các cuộc họp mặt truyền thống có tác dụng nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, giáo dục truyền thống cách mạng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, lòng tin vào công cuộc đổi mới của nhân dân được nâng lên.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy có tiến bộ. Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh tăng lên, vượt chỉ tiêu đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, diện yếu kém được thu hẹp, chất lượng đảng viên tăng khá. Số đảng viên kết nạp trong 5 năm 1991 - 1995 tăng 1,5 lần so với 1986 - 1990 vượt chỉ tiêu đại hội đề ra. Tổ chức bộ máy các cấp được sắp xếp, tinh gọn biên chế, giảm đầu mối trung gian. Đội ngũ cán bộ được đổi mới theo hướng trẻ hóa, nâng cao trình độ các mặt chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Trong 5 năm đề bạt hơn 2/3 cán bộ thuộc diện Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, số đông

cán bộ phát huy tác dụng, từng bước trưởng thành. Chính sách cán bộ và công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được quan tâm. Trong 5 năm có trên 9.000 lượt cán bộ các cấp được đào tạo, bồi dưỡng. Phương thức lãnh đạo, lễ lối làm việc của một số cấp ủy có bước cải tiến, thành lập nhiều ban cán sự và đảng đoàn. Công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ được chú ý triển khai. Công tác kiểm tra chấp hành các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, chấp hành điều lệ Đảng được chú ý hơn. Trong 4 năm đã xử lý các hình thức kỷ luật 467 đảng viên, trong đó khai trừ khỏi Đảng 86 trường hợp.

- Công tác quản lý Nhà nước từng bước được chấn chỉnh và cải tiến. Phong cách điều hành của các cấp chính quyền có tiến bộ, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm và khâu then chốt đạt kết quả. Chất lượng hoạt động và vai trò của HĐND từng bước được nâng lên, nội dung các kỳ họp có cải tiến, giảm dần tính hình thức, có chú ý tiếp dân. Công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tập trung giải quyết với khối lượng lớn, góp phần phòng ngừa tội phạm, bảo vệ luật pháp. Đấu tranh chống tham nhũng được chỉ đạo thực hiện thường xuyên.

- Mặt trận, đoàn thể và các hội quần chúng được củng cố tổ chức, cơ bản thoát ra khỏi sự lúng túng trong phương thức hoạt động của những năm trước với nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong

phú, nội dung đi vào chiều sâu, thiết thực với cuộc sống, làm nòng cốt cho phong trào quần chúng, thực hiện có kết quả nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc. Kết quả rõ nét là giải quyết một phần các vấn đề bức xúc, thiết thực của quần chúng đặt ra : giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, thực hiện chính sách tương trợ, đền ơn đáp nghĩa, củng cố mối quan hệ tình làng nghĩa xóm. Khối đại đoàn kết được củng cố, dân chủ xã hội được mở rộng, nhiều chủ trương chính sách, dự án luật được nhân dân tham gia ý kiến, quyền bầu cử, ứng cử của nhân dân được tôn trọng.

II - NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM, YẾU KÉM :

1. Nền kinh tế còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố đổi mới.

Sản xuất nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên, cơ sở hạ tầng nông thôn yếu kém. Phân công lao động, phát triển ngành nghề ở nông thôn chưa có chuyển biến, cơ cấu cây trồng chuyển dịch chậm. Quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng kém hiệu quả, rừng còn bị tàn phá nghiêm trọng, nhất là ở vùng giáp ranh, còn sơ hở trong việc cấp giấy phép khai thác gỗ, để một số người lợi dụng làm ăn phi pháp, tình trạng mua bán, vận chuyển gỗ trái phép vẫn còn. Ngành thủy sản chưa phát huy được vai trò mũi nhọn, quản lý mua nguyên

liệu, chế biến xuất khẩu yếu kém, tích lũy ngân sách còn quá ít, luồng lạch bị bồi lấp, kinh tế xã hội vùng biển chuyển biến chậm.

Sản xuất công nghiệp còn nhỏ bé, công nghiệp chế biến phát triển chậm, công nghệ lạc hậu, chưa có nhiều sản phẩm tinh chế có chất lượng cao, sức cạnh tranh yếu. Chậm khôi phục sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

Ngành du lịch phát triển chậm, thiếu năng động, hiệu quả kinh doanh thấp. Thương nghiệp quốc doanh chậm được củng cố, bỏ trống thị trường nông thôn. Thị trường xuất khẩu không ổn định, xuất khẩu hải sản bị đình đốn, hiệu quả thấp; sản phẩm xuất khẩu phần lớn dưới dạng sơ chế, sản phẩm thô.

Tài chính, tín dụng mất cân đối, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Thu chi ngân sách thường xuyên căng thẳng. Tỷ lệ động viên từ GDP vào ngân sách Nhà nước năm 1995 mới đạt 11,6%, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế cho đầu tư phát triển mới đạt 13,5% so với GDP. Chưa tạo được nguồn thu chủ lực, nhiều nguồn thu chưa được bồi dưỡng và tận thu, còn để thất thu đối với kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh. Quản lý tài chính ở các doanh nghiệp, cơ quan thiếu chặt chẽ, sử dụng vốn tùy tiện, gây lãng phí, thất thoát còn nhiều. Quản lý, sử dụng một số nguồn viện trợ, vốn của chương trình quốc gia chưa tập trung, đúng mục đích. Nguồn vốn tín dụng tuy có tăng lên, nhưng

chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là vốn trung hạn, dài hạn.

Kinh tế quốc doanh tuy có sắp xếp, chấn chỉnh, xây dựng mới một số cơ sở, nhưng quy mô nhỏ bé, sức cạnh tranh yếu, chất lượng và hiệu quả còn thấp, một số đơn vị thua lỗ kéo dài, chưa thực hiện được vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể trong nông, ngư nghiệp thu hẹp, mô hình hợp tác kiểu cũ không còn phù hợp và không có tác dụng, nhiều HTX chỉ tồn tại trên hình thức. Buông lỏng và lúng túng trong chỉ đạo đổi mới kinh tế hợp tác, chậm giải quyết hậu quả của những hợp tác xã tan rã. Xuất hiện một số mô hình hợp tác mới có hiệu quả nhưng chưa rút kinh nghiệm kịp thời để nhân rộng. Kinh tế tư nhân tập trung vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất chưa nhiều, phát triển mang tính tự phát, manh mún.

2. Thực trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém, làm hạn chế cho sự phát triển.

Những năm qua tuy có chú ý tập trung đầu tư, nhưng chưa đủ sức để khắc phục sự yếu kém, lạc hậu về cơ sở hạ tầng vốn từ một điểm xuất phát rất thấp. Nhiều tuyến đường xung yếu không có khả năng đầu tư, chống xuống cấp, luông lạch và các cửa biển bị bồi lấp nặng nề, nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt còn hạn chế, nguồn năng lượng thiếu ổn định, chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiều công trình văn hóa, phúc lợi xã hội xuống cấp, chưa được tu bổ, tôn tạo, trường lớp ở một số

địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành giáo dục. Một số công trình xây dựng cơ bản không đảm bảo chất lượng, thủ tục chuẩn bị đầu tư vẫn còn chậm.

Hoạt động khoa học và công nghệ còn hạn chế, chưa tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Môi trường ở đô thị bị ô nhiễm nặng, môi trường sinh thái ở nhiều vùng đang bị suy thoái.

3. Một số vấn đề xã hội chuyển biến còn chậm. Tốc độ phát triển dân số còn cao, lao động không có và không đủ việc làm còn nhiều. Kết quả thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo còn hạn chế. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở các vùng căn cứ cách mạng, vùng cao, miền núi còn nhiều khó khăn, đặc biệt là gia đình chính sách. Số hộ nghèo tuy có giảm nhưng còn nhiều. Chưa khắc phục tình trạng thiếu đói thời kỳ giáp hạt ở một số vùng. Đáng lưu ý là sự phân hóa giàu nghèo diễn ra ngày càng rõ giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, loại hình trường học còn ít. Cơ sở vật chất của ngành giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu, còn tình trạng học ca ba. Trình độ dân trí còn thấp, đặc biệt là ở các vùng miền núi, vùng biển, vùng xa. Sự phát triển về quy mô và chất lượng dạy và học còn chênh lệch khá lớn giữa các vùng, nhiều gia đình nghèo không đủ điều kiện cho con em đến trường. Đáng quan tâm là đạo đức của một bộ phận học sinh giảm sút.

Công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tuy có cố gắng nhưng chưa đạt chỉ tiêu của Đại hội đề ra. Chậm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và chấn chỉnh việc dạy tư, dạy thêm. Giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh còn hạn chế. Thực hiện chương trình y tế dự phòng chưa tốt, công tác vệ sinh môi trường yếu, một số bệnh nhiễm khuẩn có chiều hướng gia tăng. Chất lượng điều trị và trách nhiệm của một số thầy thuốc đối với bệnh nhân chưa cao. Tình trạng lưu hành văn hóa phẩm xấu, lối sống thực dụng, nạn mê tin dị đoan và các tệ nạn xã hội khác phát triển. Đời sống văn hóa ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa rất thấp.

4. Mặt yếu trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh là trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức chưa đầy đủ 2 nhiệm vụ chiến lược, ý thức cảnh giác chưa cao, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng chưa rõ nét. Chưa chú ý đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ. Công tác tuyển quân đạt chất lượng thấp, đào ngũ còn nhiều. Quản lý, giáo dục chiến sĩ chưa tốt, còn để xảy ra nhiều vụ vi phạm kỷ luật, có vụ gây hậu quả nghiêm trọng. Trật tự an toàn xã hội có lúc còn diễn biến phức tạp, tội phạm không giảm, công tác đấu tranh phòng ngừa chưa tốt... Công tác quản lý nhân khẩu, quản lý hoạt động của người nước ngoài chưa chặt chẽ. Bảo mật, an toàn cơ quan còn sơ hở. Công an xã, phường còn thiếu và yếu, chưa làm tốt vai trò nòng cốt bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở.

5. Công tác xây dựng Đảng chưa theo kịp yêu cầu mới.

Công tác tư tưởng chưa làm tốt việc dự báo và nắm chắc diễn biến tình hình tư tưởng để chủ động và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh. Một số cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên thiếu kiên quyết đấu tranh, phản kích những tư tưởng lệch lạc, luận điệu xuyên tạc. Thông tin nội bộ còn ít và chưa kịp thời, một số tổ chức cơ sở đảng không kiên quyết đấu tranh chấn chỉnh kỷ luật phát ngôn và tình trạng gửi đơn tập thể, tán phát tài liệu sai nguyên tắc. Vấn đề tư tưởng nổi lên hiện nay là một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân băn khoăn trước tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, tham nhũng, tệ nạn xã hội, phân hóa giàu nghèo, về kỷ cương phép nước chưa nghiêm, về âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Năng lực lãnh đạo của nhiều cấp ủy Đảng chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Bộ máy tham mưu của cấp ủy chưa mạnh, 12% tổ chức cơ sở Đảng chưa thể hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo, tính chiến đấu và giáo dục, thuyết phục hạn chế. Một bộ phận đảng viên có biểu hiện tránh né đấu tranh, chỉ muốn yên thân, bàng quan trước tiêu cực nội bộ. Một số cấp ủy vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình không nghiêm, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, không sát với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác quản lý đảng viên thiếu chặt chẽ. Công tác tạo nguồn, quy hoạch cán

bộ, gắn quy hoạch với đào tạo và sử dụng cán bộ còn là khâu yếu. Đội ngũ cán bộ, công chức chưa ngang tầm nhiệm vụ cả về năng lực và tinh thần trách nhiệm. Phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của cấp ủy Đảng, ban cán sự và đảng đoàn chậm cải tiến, còn lúng túng. Xử lý một số cán bộ đảng viên vi phạm kỷ luật, pháp luật chưa kịp thời. Chưa chú ý kiểm tra thực hiện nghị quyết và quy chế làm việc của cấp ủy.

Phong trào quần chúng, hoạt động của đoàn thể ở cơ sở chuyển biến chưa đều, xây dựng và bồi dưỡng cốt cán để tập hợp quần chúng ở một số vùng còn rất hạn chế. Chậm đúc kết, nhân rộng các mô hình cơ sở hoạt động có hiệu quả. Tổ chức, biên chế, điều kiện làm việc của các đoàn thể ở cơ sở còn nhiều khó khăn. Một số cấp ủy và chính quyền chưa coi trọng đúng mức công tác quần chúng, chưa phát huy và còn vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

6. Quản lý nhà nước nhiều mặt còn yếu kém, kỷ cương phép nước chưa nghiêm. Quản lý môi trường và các loại tài nguyên như đất đai, rừng, biển, khoáng sản lỏng lẻo, tình trạng mua bán, cấp đất tùy tiện chậm được khắc phục, tranh chấp ruộng đất còn để kéo dài ở một số ít xã, cấp quyền sử dụng ruộng đất còn chậm. Quản lý vốn và tài sản công chưa chặt chẽ, sử dụng còn lãng phí và thất thoát lớn. Quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế chưa tốt, chậm phát hiện và củng cố một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, để

thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trốn thuế còn nhiều. Quản lý đô thị, văn hóa xã hội và trật tự trị an chưa tốt. Một số địa phương, ngành và đơn vị thực hiện chính sách và chấp hành quyết định của cấp trên không nghiêm, tình trạng phân tán, chông chéo, thiếu kỷ luật, kỷ cương chậm khắc phục. Một bộ phận cán bộ còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, thiếu dân chủ. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, nhất là về thủ tục hành chính còn chậm. Một số đơn thư khiếu nại giải quyết chưa kịp thời, dứt điểm. Đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực chưa thật kiên quyết và kịp thời. Sự phối hợp các cơ quan bảo vệ pháp luật trong các khâu khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thi hành án chưa chặt chẽ, một số trường hợp truy tố, miễn tố, đình chỉ thiếu khách quan, xét xử chưa nghiêm minh, có tiêu cực trong một số cán bộ thuộc cơ quan bảo vệ pháp luật. Một số ít cán bộ và nhân dân có khuynh hướng dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để vu cáo, chưa kiên quyết ngăn chặn, xử lý kịp thời.

Hội đồng Nhân dân chưa phát huy tốt chức năng giám sát đối với cơ quan nhà nước trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, luật pháp, giám sát việc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực.

*

* *

DÁNH GIÁ CHUNG : Bốn năm qua, Đảng bộ các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đạt kết quả tương đối toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Về cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ, thực hiện đạt và vượt các mục tiêu chủ yếu của Đại hội đề ra, tạo thêm thế và lực mới, điều kiện thuận lợi cho thời kỳ phát triển tiếp theo.

Kết quả rõ nét là kinh tế tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng thêm. Nhiều vấn đề xã hội được giải quyết tốt hơn. Bộ mặt xã hội tiếp tục đổi mới. Đời sống nhân dân nhìn chung được ổn định, số đông có cải thiện. Quốc phòng, an ninh chính trị được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể có tiến bộ. Dân chủ xã hội được mở rộng, niềm tin vào Đảng và công cuộc đổi mới được nâng lên.

Nguyên nhân của những kết quả, tiến bộ nêu trên bắt nguồn từ đường lối đổi mới của Đảng đúng đắn được vận dụng cụ thể phù hợp với điều kiện của tỉnh, được nhân dân hưởng ứng, tin tưởng và ra sức thực hiện với tinh thần sáng tạo. Nhờ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành. Nhờ thừa kế, phát huy thành quả và

kinh nghiệm của những năm trước, đồng thời có sự chỉ đạo và giúp đỡ có hiệu quả của Trung ương.

Tuy nhiên, thực trạng kinh tế xã hội còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, trình độ sản xuất lạc hậu, tích lũy nội bộ còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng, vẫn còn là một tỉnh nghèo. Một số vấn đề xã hội chuyển biến chậm. Trật tự an toàn xã hội có mặt chưa tốt ; kỷ cương, phép nước chưa nghiêm, sự lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp yêu cầu mới.

Nguyên nhân của khuyết điểm, yếu kém có phần khách quan do điểm xuất phát và cơ sở hạ tầng tỉnh ta thấp kém. Nhưng chủ yếu và trước hết là do năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ và diễn biến của tình hình. Hiệu lực quản lý, điều hành chưa cao, trật tự kỷ cương bị buông lỏng, tình trạng phân tán, cục bộ, chấp hành không nghiêm gây cản trở cho sự phát triển. Trình độ, năng lực và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ còn yếu, thiếu đồng bộ.

Từ thực tiễn trong quá trình chỉ đạo, điều hành rút ra một số kinh nghiệm :

Một là, Phải nhận thức, quán triệt đường lối và chủ trương của Trung ương một cách đầy đủ và nhất quán, tạo sự nhất trí cao trong nội bộ, trước

hết là trong cấp ủy. Vận dụng, cụ thể hóa vào điều kiện của địa phương, đề ra nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp và quyết tâm tổ chức thực hiện.

Hai là, Luôn luôn thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân, chăm lo lợi ích của quần chúng, phát huy dân chủ, tôn trọng, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của dân, dựa vào dân để tạo ra phong trào và động lực cách mạng.

Ba là, Trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ đi đôi với phát huy đúng mức vai trò tham mưu, tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu, trọng tâm. Bám sát cơ sở và công việc, thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Coi trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn, phát hiện và kịp thời nhân rộng các điển hình tốt.

Bốn là, Coi công tác xây dựng Đảng là khâu then chốt, trong đó, cán bộ là nhân tố quyết định. Cần tạo cho được một đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm đảm đương được nhiệm vụ.

Năm là, Đi đôi với phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tập trung khai thác nguồn lực bên trong, đồng thời hết sức coi trọng nguồn lực bên ngoài, tranh thủ sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

5 NĂM 1996 - 2000

Năm năm 1996 - 2000 có vị trí rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiền đề cho thời kỳ phát triển nhanh và vững chắc hơn sau năm 2000. Trong 5 năm đến quan hệ quốc tế tiếp tục diễn biến nhanh trên nhiều mặt, tác động đến nước ta, tình ta tạo ra thời cơ mới, đồng thời cũng xuất hiện những thách thức, khó khăn lớn cần khắc phục, đẩy lùi.

Thời cơ và thuận lợi :

- Công cuộc đổi mới đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thêm thế và lực mới. Cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng thêm trong những năm qua, cùng với tiềm năng kinh tế khá phong phú, đa dạng, chắc chắn sẽ được phát huy và đẩy nhanh tốc độ phát triển trong thời gian tới.

- Môi trường chính trị ổn định, quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng, địa bàn tình ta nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm, tạo thời cơ thuận lợi về khả năng hợp tác, thu hút vốn đầu tư.

Khó khăn và thử thách :

- Trình độ sản xuất còn lạc hậu, cơ sở hạ tầng yếu kém. Khoảng cách về sức sản xuất, trình độ

phát triển và thu nhập so với mức bình quân cả nước và các tỉnh trong khu vực còn lớn, nếu không đẩy nhanh tốc độ phát triển thì nguy cơ tụt hậu còn xa hơn.

- Trình độ, năng lực của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu. Tệ nạn xã hội, lãng phí, tiêu cực, tham nhũng, tệ quan liêu đang tồn tại.

- Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình với những phương thức, thủ đoạn mới tinh vi và phức tạp.

I - QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU :

1. Quan điểm :

- Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, giữ vững sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng. Phát huy ý chí tự lực, tự cường, độc lập tự chủ, đẩy lùi nguy cơ, nam bất thời cơ. Tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đi vào chiều sâu, chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000.

- Coi trọng khai thác nguồn lực bên trong, đi đôi với xây dựng hệ thống kinh tế mở, gắn với thị trường khu vực kinh tế trọng điểm, mở rộng hợp tác liên doanh với trong và ngoài nước, tranh thủ sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương.

- Nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh tế ở ngành, các lĩnh vực và trong từng cơ sở kinh tế, đi đôi với thực hành tiết kiệm. Lấy hiệu quả kinh

tế xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản lựa chọn phương án phát triển và đầu tư, hiệu quả kinh tế gắn với hiệu quả chính trị - xã hội.

- Gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Coi trọng và phát huy nhân tố con người. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Coi trọng đầu tư phát triển các vùng trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện để phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, khắc phục sự chênh lệch quá xa giữa các vùng, các địa phương.

2. Mục tiêu :

Mục tiêu tổng quát đến năm 2000 : Tập trung phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, hiệu quả cao hơn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải biến cơ cấu sản xuất lạc hậu, từng bước khắc phục các yếu tố thiếu vững chắc, nâng cao tích lũy từ nội bộ của nền kinh tế, tạo sự chuyển biến tốt hơn các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, giữ vững kỷ cương, tạo tiền đề phát triển vững chắc thời kỳ sau năm 2000.

- Tổng sản phẩm nội tỉnh tăng bình quân hàng năm 15%, ngành nông lâm ngư nghiệp tăng 6 - 7%, công nghiệp 25%, dịch vụ 18 - 20%. Đến năm 2000 kim ngạch xuất khẩu đạt 85 triệu đô la, sản lượng

lượng thực 350.000 tấn, tỷ lệ huy động vào ngân sách 15 - 16% so với GDP.

- Bài trừ các tệ nạn xã hội, đẩy lùi tiêu cực, lãng phí, tham nhũng ; ngăn chặn tình trạng giảm sút về đạo đức xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế, giáo dục, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc.

- Đạt tỷ lệ giảm sinh hàng năm 0,1%, bình quân mỗi năm có 20.000 lao động tìm được việc làm ổn định. Không còn tình trạng đói, giảm đáng kể hộ nghèo, thu nhập bình quân đầu người năm 2000 tăng khoảng 2 lần so với năm 1995.

- Tăng cường ổn định chính trị, giữ vững định hướng XHCN. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra đột biến xấu.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đáp ứng được yêu cầu mới. Hoàn thiện một bước bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu lực điều hành. Mở rộng dân chủ, đề cao pháp luật, giữ vững kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội và trong nội bộ Đảng.

II - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU :

1. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

a) Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong 5 năm đến là phát triển toàn diện

nông, ngư, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ, du lịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ để chuyển dần sang cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông, ngư, lâm nghiệp sau năm 2000. Kết hợp công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn với phát triển một số ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, từng bước tạo ra một số ngành mũi nhọn như : chế biến thủy sản, nông, lâm sản, khai khoáng và du lịch. Mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại, dịch vụ, thương mại. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Phát triển mạnh sự nghiệp nghiên cứu khoa học, trọng tâm là ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới, làm tốt công tác bảo vệ môi trường sinh thái.

Cơ cấu kinh tế năm 2000 (tính theo GDP)

	1995	2000
Tổng số : %	100	100
Trong đó :		
+ Nông lâm thủy sản	49,5	34
Riêng thủy sản	13	11
+ CN - XD	20,5	30
+ Dịch vụ	30	36

b) Phát triển nông nghiệp toàn diện, áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ sinh

học để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đầu tư thâm canh diện tích lúa tập trung ở Hàm Thuận Bắc, Đức Linh, Tân Linh và Bắc Bình. Năm 2000 đạt 350.000 tấn lương thực, phát triển mạnh bắp lai ở các huyện phía Nam và các xã miền núi, mở rộng diện tích trồng mì, khoai lang ở những vùng thích hợp. Quy hoạch các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, cây ăn quả, chủ yếu là cây cao su, điều, mía, dâu tằm, bông; các loại cây khác phát triển theo yêu cầu của thị trường, phù hợp điều kiện tự nhiên. Năm 2000 cây công nghiệp chiếm 30% GDP của ngành trồng trọt.

Phát triển chăn nuôi thành ngành sản xuất quan trọng, năm 2000 chiếm tỷ trọng 28%. Giải quyết tốt các khâu giống, thức ăn và thú y để phát triển đàn bò, heo, dê. Củng cố các tổ chức dịch vụ nông nghiệp, làm tốt dịch vụ hai đầu và chuyển giao kỹ thuật mới.

Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất vào cuối năm 1997. Quản lý chặt chẽ, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả quỹ đất nông nghiệp. Từng bước phân công lao động nông thôn theo hướng phát triển đa dạng ngành nghề và dịch vụ. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới: phát triển giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, nước sinh hoạt, mở rộng và nâng cấp cơ sở y tế, văn hóa, trường học.

Tập trung quản lý, bảo vệ, chăm sóc, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc. Quy hoạch một

số vùng trồng rừng nguyên liệu giấy. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng. Thực hiện xã hội hóa nghề rừng, làm tốt công tác định canh, định cư. Đẩy mạnh giao khoán quản lý, bảo vệ rừng. Củng cố tổ chức bộ máy và tăng cường chức năng kiểm tra giám sát của kiểm lâm. Hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng. Tổ chức khai thác gỗ theo kế hoạch, bảo đảm nhu cầu chế biến tại địa phương.

c) Ngành thủy sản coi trọng cả 4 khâu : khai thác, nuôi trồng, chế biến và bảo vệ nguồn lợi gắn với bảo vệ an ninh vùng biển. Phát triển nhanh các loại tàu có công suất lớn, đổi mới cơ cấu thuyền nghề, chuyển mạnh ra khai thác ở ngư trường xa khơi, khai thác vùng biển Trường Sa, từng bước trang bị kỹ thuật khai thác hiện đại, thông tin liên lạc, thiết bị bảo quản và sơ chế trên tàu. Bình quân mỗi năm khai thác 110.000 tấn, năm 2000 đạt sản lượng 115.000 tấn hải sản các loại. Phát triển mạnh nghề nuôi tôm, đặc biệt là nuôi tôm giống, khoanh nuôi và bảo vệ các loại hải đặc sản. Mở rộng diện tích nuôi cá nước ngọt.

Từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ các cụm kinh tế biển gắn với giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội vùng biển. Xây dựng Phú Quý trở thành một cụm kinh tế biển quan trọng gắn với chiến lược phòng thủ biển Đông.

d) Xúc tiến quy hoạch cụ thể 3 khu công nghiệp ở Phan Thiết, Hàm Tân và Tuy Phong để có kế hoạch thu hút vốn đầu tư bên ngoài. Sử dụng tối

đa nguồn nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, hạn chế tối đa sản phẩm thô, phần đầu có nhiều sản phẩm tinh chế. Phát triển mạnh công nghiệp khai khoáng, vật liệu xây dựng. Từng bước tạo ra một số sản phẩm chủ lực, có khối lượng lớn, chất lượng cao như nước suối, nước mắm và hàng thủy sản xuất khẩu, muối, hạt điều, đồ gỗ, đá xây dựng, sản phẩm tinh chế từ cát đen.

Nâng cấp và hiện đại hóa công nghệ các cơ sở chế biến thủy sản hiện có, phát triển mới cơ sở chế biến xuất khẩu ở Phan Thiết và Phú Quý ; đầu tư chế biến các loại nhuyễn thể, sản phẩm ăn liền. Có chính sách phù hợp thu hút 65 - 70% nguyên liệu đưa vào chế biến. Sắp xếp các cơ sở sản xuất và nâng cao chất lượng nước mắm, khôi phục các nghề chế biến truyền thống, sản phẩm tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

Quản lý chặt chẽ hoạt động các xưởng xẻ gỗ của kinh tế tư nhân, bổ sung năng lực và nâng cao hiệu quả chế biến gỗ của doanh nghiệp nhà nước. Sản xuất đồ gỗ các loại tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phục hồi và phát triển nghề thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Sớm hoàn thành xây dựng Nhà máy đường, mở rộng công suất chế biến hạt điều, phát triển chế biến cao su, mầu xuất khẩu.

Đầu tư phát triển : nước suối, muối, tinh chế cát đen, đá các loại, xây dựng thêm lò gạch tuynel, khuyến khích ứng dụng rộng rãi công nghệ mới trong

sản xuất gạch ngói. Xây dựng mới cơ sở sản xuất bao bì, công nghiệp may mặc, sản xuất thức ăn gia súc, phân hữu cơ, sản xuất tảo, chế biến một số sản phẩm sau muối. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công nghiệp dược, tạo ra một số mặt hàng chủ lực có khả năng chi phối được thị trường.

Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Đầu tư phát triển lưới điện, tập trung cơ giới hóa khâu làm đất, các khâu chăm sóc và sau thu hoạch, sơ chế nông sản, sản xuất nông cụ, bảo trì sửa chữa nông cơ. Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ sinh học để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Khuyến khích và giúp đỡ nông dân lập các tổ hợp tác, đội cơ giới nhỏ làm nòng cốt thực hiện các khâu trong quá trình cơ giới hóa nông nghiệp.

e) Kinh tế đối ngoại, xuất khẩu và các hoạt động dịch vụ.

- Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, mở rộng liên doanh, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm đưa vào hoạt động các dự án được cấp giấy phép. Tích cực chuẩn bị nhiều dự án có chất lượng để gọi vốn đầu tư. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tài trợ quốc tế đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ, chấn chỉnh hoạt động xuất, nhập khẩu. Mở rộng thị trường, tăng khả năng tiếp thị, đa dạng hóa và đổi mới cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm công nghiệp, thủ công nghiệp, mặt hàng chế biến từ nông, lâm hải sản. Đơn vị kinh doanh cần tham gia các hiệp hội xuất khẩu chuyên ngành. Phấn đấu đạt tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 220 triệu USD, năm 2000 đạt 85 triệu USD. Chú ý kinh doanh hàng nhập khẩu, bảo đảm có hiệu quả, góp phần đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống ở địa phương.

- Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, hợp tác, liên doanh với nước ngoài đầu tư phát triển nhanh ngành du lịch với nhiều loại hình kinh doanh thích hợp, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tích lũy ngân sách. Coi trọng du lịch nội địa, đồng thời chuẩn bị điều kiện thu hút khách du lịch nước ngoài. Xây dựng đồng bộ khu du lịch Phan Thiết - Mũi Né, bao gồm cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới một số khách sạn, nhà hàng, làng du lịch, phát triển du lịch thể thao, tắm biển, nghỉ mát và các dịch vụ khác ; tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa thu hút khách tham quan, nghiên cứu. Đầu tư phát triển một số cơ sở du lịch khu vực Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Tuy Phong và các khu vực khác trong tỉnh. Trước mắt tập trung khai thác du lịch biển, tiến tới tổ chức du lịch xanh, du lịch điều dưỡng, du lịch thắng cảnh, văn hóa lịch sử, v.v... Đổi mới tổ chức

và quản lý nâng cao chất lượng kinh doanh du lịch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường ổn định, an toàn thu hút vốn đầu tư kinh doanh du lịch.

- Mở rộng thị trường xã hội, mua bán, giao lưu hàng hóa thông suốt giữa các vùng trong tỉnh, gắn với thị trường khu vực và cả nước, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, thuận tiện cho tiêu dùng. Sắp xếp, củng cố nâng cao hiệu quả thương nghiệp quốc doanh theo hướng chuyên doanh, kết hợp với kinh doanh tổng hợp, từng bước hòa nhập với hệ thống chuyên doanh quốc gia, đủ khả năng chi phối khâu mua buôn, bán buôn hàng nông, lâm, hải sản, phục vụ tốt yêu cầu sản xuất nông, ngư nghiệp. Coi trọng kinh doanh phục vụ đáp ứng nhu cầu hàng hóa thiết yếu của dân cư vùng núi, vùng cao, vùng xa. Từng bước hình thành các trung tâm thương mại ở các thị trấn, huyện lỵ. Quy hoạch sắp xếp, nâng cấp và đầu tư phát triển mạng lưới chợ trong tỉnh. Phát triển các tụ điểm dịch vụ, thương mại bán lẻ trên nhiều vùng dân cư tập trung. Khuyến khích phát triển thương nghiệp dịch vụ ngoài quốc doanh.

Phát triển đa dạng các loại dịch vụ quảng cáo, tư vấn, bảo hiểm, vận tải, thông tin, khoa học công nghệ... phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất, đời sống xã hội.

2. Tài chính - Tín dụng.

Mở rộng, bồi dưỡng nguồn thu, tạo nguồn thu lớn và ổn định. Quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh

doanh, thu đúng, thu đủ các loại thuế và phí vào ngân sách Nhà nước.

Thường xuyên thanh tra tài chính, chấn chỉnh việc phân phối lợi nhuận phù hợp với hiệu quả kinh doanh đối với các doanh nghiệp Nhà nước. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hạch toán kế toán đối với các thành phần kinh tế khác. Kiểm tra chế độ kế toán trong các cơ quan sử dụng kinh phí ngân sách, phát hiện kịp thời, xử lý thích đáng các vi phạm nguyên tắc tài chính. Tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng mọi nguồn vốn tại địa phương. Đổi mới quan điểm cân đối và công tác điều hành ngân sách theo hướng tiết kiệm tiêu dùng, tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, cân bằng thu chi thường xuyên, đi đôi với xây dựng quỹ dự phòng. Ban hành chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, phát hành trái phiếu công trình để tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng. Triển khai thực hiện luật ngân sách.

Mở rộng hoạt động tín dụng ngân hàng, bằng các hình thức huy động nhiều nguồn vốn để cho vay, tăng nguồn vốn trung và dài hạn, đáp ứng phần lớn nhu cầu của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác. Làm tốt công tác quản lý lưu thông tiền tệ, cải tiến thủ tục và công nghệ thanh toán qua ngân hàng, mở rộng các dịch vụ tiền tệ. Mở rộng quỹ tín dụng nhân dân, tăng cường hoạt động của ngân hàng phục vụ người nghèo, thực hiện cho vay đúng đối tượng.

3. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Huy động nhiều nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, khắc phục một bước tình trạng yếu kém, lạc hậu. Hàng năm dành ít nhất 35% chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa các công trình thủy lợi để phát huy hết công suất. Khai thác đồng bộ công trình thủy lợi Sông Quao, hoàn thành hồ Cà Giây, đập Ba Bà, hồ Đá Bạc ; khởi công hồ Sông Lòng Sông, đập Tà Pao, hồ Sông Dinh ; chuẩn bị đầu tư hồ Sông Lũy. Nâng diện tích tưới chủ động gấp hai lần hiện nay. Hoàn thành đầu tư mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Phan Thiết. Tranh thủ nhiều nguồn vốn đầu tư giải quyết nước máy cho các huyện lỵ, chú ý các thị trấn đông dân cư, đầu tư giải quyết nước sạch ở nông thôn. Đến năm 2000 nâng tỷ lệ hộ dùng nước sạch lên 80%, giải quyết cơ bản vệ sinh và thoát nước, đèn chiếu sáng ở đô thị.

Hoàn thành xây dựng cảng cá Phan Thiết, Phan Rí, Lagi, cảng Phú Quý. Nâng cấp các trục đường liên huyện, đường vào vùng kinh tế hàng hóa, khu dân cư tập trung, một số đoạn ven biển xung yếu, đường lên miền núi, hoàn chỉnh hệ thống giao thông vùng thung lũng La Ngà. Cơ bản nhựa hóa đường nội thị. Khai thông làm mới một số tuyến đường theo yêu cầu phát triển công nghiệp và du lịch. Tổ chức, giúp đỡ nhân dân phát triển đường giao thông nông thôn.

Đề nghị và phối hợp với các ngành Trung ương đầu tư nâng cấp quốc lộ 28. Chuẩn bị dự án đầu tư cảng Mũi Né, sân bay Phan Thiết.

Đầu tư nâng cấp, mở rộng các trạm nguồn điện ở Phan Thiết, Phan Rí và Hàm Tân, vận hành 110kv tuyến Tháp Chàm - Phan Thiết. Chuẩn bị xây dựng đường dây 110kv từ Hàm Thuận - Đa Mi - Phan Thiết và đường dây 110kv Phan Thiết - Hàm Tân. Phát triển lưới điện trung thế, Nhà nước hỗ trợ một phần cùng với nguồn vốn của nhân dân phát triển lưới điện hạ thế đến hầu hết các xã đồng bằng và miền núi. Năm 2000 có trên 85% số xã có điện lưới, 80% số hộ dùng điện, phát triển nguồn điện độc lập phục vụ các xã vùng cao, hải đảo, nâng mức tiêu thụ điện bình quân đầu người năm 2000 gấp đôi so với năm 1995. Đầu tư mở rộng, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, năm 2000 số máy điện thoại tăng 4 lần so với năm 1995, hầu hết các xã đều có điện thoại.

Xã hội hóa nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học, nâng cấp bệnh viện, các cơ sở văn hóa, thể thao, phúc lợi khác. Chú ý đầu tư vùng dân tộc thiểu số, vùng còn nhiều khó khăn.

Tăng cường quản lý đầu tư theo điều lệ và kế hoạch, nâng cao chất lượng dự án, chất lượng công trình, thực hiện đấu thầu thiết kế và thi công. Mở rộng hoạt động tư vấn về xây dựng cơ bản để nâng cao chất lượng công trình.

Triển khai thực hiện và tăng cường quản lý quy hoạch đô thị, phát triển hợp lý các thị trấn, thị tứ. Làm tốt quy hoạch khu dân cư bảo đảm nhu cầu đất ở của nhân dân, quy hoạch phát triển xã, xây dựng nông thôn, quản lý chặt chẽ quỹ đất xây dựng.

4. Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa các hình thức sở hữu để giải phóng năng lực sản xuất, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế.

Chăm lo củng cố, xây dựng khu vực kinh tế Nhà nước, từng bước vươn lên giữ vai trò chủ đạo đối với các lĩnh vực then chốt. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng, tiến hành phân loại, sắp xếp, xác định rõ các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu vì mục tiêu lợi nhuận với doanh nghiệp hoạt động vì công ích để có chính sách và biện pháp thích hợp. Tập trung củng cố, bảo đảm điều kiện cho các đơn vị đủ sức cạnh tranh, kinh doanh có hiệu quả, giữ vai trò trọng yếu, đứng vững trong cơ chế thị trường. Kiên quyết giải thể, chuyển hình thức sở hữu, xử lý theo luật phá sản những đơn vị thua lỗ kéo dài, không có khả năng phục hồi. Những đơn vị mới thành lập phải được thẩm định kỹ, bảo đảm có hiệu quả. Chấn chỉnh hoạt động của các đơn vị kinh doanh chuyên ngành (năng lượng, bưu điện, cấp nước, ngân hàng, bảo hiểm...) ngăn chặn cửa quyền, gây sách nhiễu.

Triển khai thực hiện cổ phần hóa trong một số doanh nghiệp, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, bán một số cổ phần cho công nhân trong doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Đa dạng hóa các hình thức hợp tác kinh doanh nhiều ngành nghề và nhiều lĩnh vực, tập thể hóa tư liệu sản xuất ở nhiều mức độ khác nhau, mỗi thành viên, mỗi gia đình có thể tham gia đồng thời nhiều loại hình hợp tác với mức vốn và lao động khác nhau. Khuyến khích và giúp đỡ thành lập hợp tác xã cổ phần trong nghề cá, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, vận tải. Trong nông nghiệp, củng cố các hợp tác xã chuyển hướng hoạt động có hiệu quả, tiến hành soát xét, giải thể, xử lý dứt điểm những hợp tác xã tồn tại hình thức, đã và đang tan rã, không còn tác dụng. Đi đôi với việc xác lập và phát huy quyền tự chủ của hộ kinh tế gia đình ; nhân rộng, phát triển các mô hình hợp tác có hiệu quả kinh doanh dịch vụ, ngành nghề ở nông thôn.

Phát triển rộng rãi kinh tế cá thể, tư nhân, tiểu chủ trên nhiều lĩnh vực theo định hướng XHCN, đi đôi với hướng dẫn vận động tổ chức họ từng bước đi vào hợp tác, liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp Nhà nước. Từng bước phát triển hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân ở những lĩnh vực pháp luật không cấm.

5. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Quản lý nhà nước về kinh tế chủ yếu bằng pháp luật, chính sách, kế hoạch và các công cụ đòn bẩy, bảo đảm mở rộng quyền tự chủ, năng động, sáng tạo của các doanh nghiệp. Cải tiến thủ tục hành chính, giảm tầng nấc và khâu trung gian gây phiền hà, chậm trễ, tập trung đầu mối vào một số cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc thẩm định, xét duyệt, cấp phép đăng ký, kinh doanh và xử lý những vấn đề kinh tế phát sinh. Thực hiện sự phối hợp chặt chẽ, phân công, phân cấp rành mạch trong quản lý giữa ngành và các huyện, thị xã.

Thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tổng hợp đối với hoạt động của các doanh nghiệp, tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước của các ngành tham mưu, chú ý các đơn vị liên doanh với nước ngoài. Xóa dần chế độ sở hữu quản đối với doanh nghiệp nhà nước. Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung, ban hành các văn bản cụ thể hóa phù hợp với pháp luật, chính sách và quy định của cấp trên về quản lý kinh tế. Nghiên cứu, ban hành một số chính sách thu hút vốn đầu tư phát triển, xây dựng chính sách miễn hoặc giảm thuế kinh doanh, thuế đất trong một thời gian đối với những ngành nghề và sản phẩm cần khuyến khích. Thực hiện chủ trương chuyển quyền sử dụng đất lấy vốn hoặc cơ sở hạ tầng.

Nâng cao chất lượng kế hoạch, mở rộng phạm vi kế hoạch hóa bao quát được hoạt động của các thành phần kinh tế, khai thác mọi nguồn lực cho sự phát triển nhanh và lâu bền. Coi trọng việc cung cấp thông tin, công tác dự đoán, dự báo, tập trung xây dựng các chương trình mục tiêu, các dự án, quy hoạch và kế hoạch dài hạn, trung hạn. Xây dựng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xác lập các cân đối giá trị, gắn với phân tích hiệu quả, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn hàng đầu để chọn lựa phương án kế hoạch.

Tăng cường hơn nữa kế hoạch hóa các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, môi trường và cải thiện điều kiện xã hội, thực hiện phân phối lại thu nhập cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, các vùng khó khăn, hạn chế sự chênh lệch giữa các vùng lãnh thổ, chú ý vùng dân tộc, miền núi, vùng căn cứ kháng chiến cũ. Đảm bảo kế hoạch đầu tư sử dụng nguồn vốn của nhà nước, kế hoạch ngân sách bằng các chỉ tiêu pháp lệnh, tăng tỷ lệ đầu tư trong cân đối ngân sách, mở rộng nguồn đầu tư bằng vốn tín dụng cho các doanh nghiệp.

6. Dân số, việc làm, đời sống và chính sách xã hội :

Xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Phát triển sâu rộng mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến hầu khắp các vùng. Đầu tư cơ sở vật chất, bảo

đảm kinh phí và phương tiện, đẩy mạnh công tác truyền thông dân số. Tăng cường quản lý Nhà nước về công tác dân số, hạn chế dân số tăng cơ học. Khuyến khích mọi người tự tìm, tự tạo việc làm. Thực hành tiết kiệm để đầu tư phát triển, mở mang ngành nghề thu hút lao động. Tiếp tục phân bố lại dân cư, trước hết ở khu vực nông thôn theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Hướng chủ yếu là thực hiện các chương trình khai thác các vùng đất trống để trồng rừng, cây công nghiệp dài ngày, thực hiện nông, lâm kết hợp, phát triển chăn nuôi, kinh tế vườn ; mở rộng, phát triển ngành nghề ở nông thôn ; phát triển công nghiệp và dịch vụ ở đô thị, mở rộng kinh tế đối ngoại, tổ chức xuất khẩu lao động. Đa dạng hóa các hình thức, tổ chức dạy nghề trong các thành phần kinh tế. Mọi công dân tự do làm ăn theo pháp luật, thuê mướn nhân công, thu hút việc làm, năm 2000 mức thu nhập bình quân đầu người khoảng gấp 2 lần so với năm 1995, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%.

Động viên toàn xã hội đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, quỹ nhân đạo, quỹ bảo trợ xã hội, thực hiện chính sách xã hội. Phát động sâu rộng trong nhân dân thực hiện tốt hơn nữa chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội. Đầu tư xây dựng trường giáo dục dạy nghề xã hội.

7. Giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ :

✓ a) *Giáo dục đào tạo :*

Phát triển giáo dục đào tạo trên cả 3 mặt mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa loại hình đào tạo, loại hình trường học. Tăng mức đầu tư ngân sách xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục. Tập trung chống xuống cấp, nâng chất lượng các trường công lập, đồng thời phát triển trường bán công, dân lập phổ thông ở Phan Thiết và các huyện, khuyến khích mở trường tư thục, dân lập trước hết ở hệ mầm non, dạy nghề, củng cố và xây dựng thêm trường phổ thông dân tộc nội trú ở huyện. Xúc tiến thành lập trường đại học cộng đồng.

Tăng tỷ lệ huy động trẻ em vào mẫu giáo, nhà trẻ, thu hút 95% trẻ em đến tuổi vào học lớp 1. Đến năm 2000 phần lớn trẻ em 5 tuổi được học chương trình giáo dục mầm non. Phát triển trung tâm giáo dục thường xuyên, mở rộng dạy ngoại ngữ, tin học, bổ túc văn hóa. Hoàn thành phổ cập tiểu học, xóa mù chữ trước năm 2000, cơ bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở cho thanh niên thị xã và các thị trấn, huyện lỵ. Củng cố, mở rộng các trường chuyên, lớp chọn, có chính sách khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh nghèo. Đổi mới phương

pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy theo yêu cầu giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, giáo dục quốc phòng, luật pháp và thể chất cho học sinh. Hết sức coi trọng giáo dục truyền thống cách mạng, kết hợp chặt chẽ giáo dục ở gia đình với giáo dục ở nhà trường và xã hội. Hạn chế sự chênh lệch về chất lượng dạy và học giữa các vùng.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, khắc phục tình trạng thiếu và không đồng bộ các loại hình giáo viên, từng bước tiêu chuẩn hóa giáo viên các cấp, coi trọng kiến thức chuyên môn, đạo đức và bản lĩnh chính trị. Mở rộng quy mô trường trung học sư phạm, chuẩn bị điều kiện nâng thành trường cao đẳng đào tạo giáo viên cấp 2.

Củng cố, nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường chuyên nghiệp, dạy nghề gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển đào tạo sau đại học, có chính sách bồi dưỡng và khuyến khích tài năng. Khuyến khích các hình thức tự đào tạo, đào tạo từ xa, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo gấp 2 lần hiện nay.

b) Khoa học và công nghệ :

Phương hướng hoạt động của khoa học và công nghệ là gắn nghiên cứu với ứng dụng triển khai các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới, trong đó ứng dụng triển khai là chủ yếu, làm cho khoa học và công nghệ từng bước trở thành lực lượng sản xuất mạnh mẽ, góp phần tích cực nâng cao năng suất,

chất lượng và hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung các chương trình : công nghệ sinh học, vật liệu mới và công nghệ thông tin.

Đổi mới kỹ thuật khai thác và chế biến hải sản, nông lâm sản, đa dạng hóa mặt hàng chế biến, tạo nhiều sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao. Ứng dụng công nghệ sinh học : sinh hóa dẫn bò, cải tạo giống cây trồng, nuôi thủy đặc sản, phòng trừ dịch hại tổng hợp. Ứng dụng công nghệ và sử dụng vật liệu mới vào các ngành sản xuất công nghiệp : vật liệu xây dựng, sản xuất một số hóa chất sau muối... Phát triển rộng rãi công nghệ thông tin, ưu tiên đầu tư lĩnh vực tin học, đến năm 2000 ứng dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý ở các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp. Phát động phong trào công nhân viên chức phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới quy trình công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý trong các cơ sở sản xuất, cơ quan quản lý.

Điều tra bổ sung đánh giá đúng đắn nguồn tài nguyên để có biện pháp khai thác và sử dụng hợp lý. Thực hiện có kết quả luật bảo vệ môi trường, xây dựng và thực hiện chương trình tổng quan bảo vệ môi trường, tập trung khống chế ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí, thực hiện nghiêm ngặt việc xử lý nước thải, khí thải, chất thải ở các xí nghiệp. Đẩy mạnh nhiệm vụ trồng và bảo vệ rừng, khống chế hiện tượng suy thoái về cân bằng sinh thái.

Củng cố tổ chức bộ máy, nâng chất lượng hoạt động của các cơ quan quản lý, nghiên cứu. khoa học. Có chính sách thu hút, đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật, bố trí, sử dụng hợp lý ở các lĩnh vực, nhất là cán bộ kỹ thuật đầu đàn ở một số ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Thực hiện chế độ ưu đãi đối với tổ chức và cá nhân có cống hiến, sáng kiến khoa học có giá trị. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ. Củng cố nâng cấp các dịch vụ kỹ thuật như đo lường, tiêu chuẩn, thẩm định công nghệ, thông tin khoa học, quản lý môi trường.

8. Phát triển văn hóa nghệ thuật hướng vào xây dựng, bồi dưỡng lòng tự hào và tinh thần dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống cách mạng, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thời đại. Đẩy mạnh phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng, đưa văn hóa nghệ thuật về cơ sở, phục vụ các vùng sâu, vùng xa, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hình thức nghệ thuật hướng dẫn nhân dân xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan. Củng cố, nâng chất lượng hoạt động của Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp. Khắc phục xu hướng kinh doanh đơn thuần trong hoạt động văn hóa nghệ thuật. Đến năm 2000 phủ sóng phát thanh trên 90% và phủ sóng truyền hình cho 80% hộ gia đình.

Tôn trọng quyền tự do sáng tác, khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật theo hướng đề cao tinh thần dân tộc, ý chí tự lực, tự cường; phê phán lối sống thực dụng, buông thả, tâm lý sùng ngoại, quan điểm lệch lạc trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

Mở rộng, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thông tin phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị. Quản lý chặt chẽ việc phát hành, xuất bản, in ấn, lưu hành, sử dụng các loại văn hóa phẩm. Bài trừ các tệ nạn xã hội, sản phẩm văn hóa độc hại, phản thuần phong mỹ tục.

Thường xuyên tu bổ, tôn tạo và quản lý tốt các di tích lịch sử, công trình văn hóa, bia đài tưởng niệm. Đầu tư xây dựng bảo tàng, thư viện tỉnh, nhà truyền thống ở các vùng căn cứ cách mạng.

9. Chăm lo phát triển sự nghiệp y tế, thể dục thể thao :

Phát triển y học dự phòng, giáo dục phổ biến rộng rãi kiến thức về chế độ dinh dưỡng, kiến thức và phương pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu, làm tốt công tác vệ sinh môi trường. Đến năm 2000 phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 30% ; khống chế và giảm đáng kể các bệnh nhiễm khuẩn, ký sinh trùng, đồng thời tích cực ngăn chặn bệnh AIDS.

Đầu tư nâng cấp, bổ sung phương tiện, thiết bị khám và chữa bệnh ở các bệnh viện tỉnh, trung

tâm y tế các huyện ; xây dựng các trạm chuyên khoa. Nâng cao chất lượng khám và điều trị, kết hợp y học dân tộc với y học hiện đại. Tổ chức thí điểm việc khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, gia đình chính sách. Củng cố y tế xã phường, các phòng khám. Đến năm 2000 có 40% cơ sở y tế xã phường có bác sĩ phụ trách, có đủ nữ hộ sinh cho các xã miền núi. Xây dựng một số đội y tế lưu động phục vụ miền núi, vùng xa.

Đề cao trách nhiệm và lương tâm người thầy thuốc ; giáo dục đạo đức, tinh thần phục vụ bệnh nhân. Tăng cường quản lý Nhà nước đối với các dịch vụ y dược tư nhân.

Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, chú trọng phát triển các môn thể dục trong nhà trường, cơ quan, xí nghiệp, trong lực lượng vũ trang. Chú trọng đào tạo lực lượng huấn luyện viên, hướng dẫn viên ; phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng những tài năng, hình thành lực lượng vận động viên trẻ tham gia nhiều bộ môn thể thao trong phong trào chung cả nước. Chọn một số môn chủ lực để tập trung nâng cao thành tích. Phát động phong trào tập thể dục, rèn luyện thân thể trong các tầng lớp nhân dân. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục, thể thao, tập trung cho Thị xã và các thị trấn huyện lỵ.

10. Quốc phòng và an ninh :

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, từng bước xây dựng vững chắc

nên quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh. Nâng cao cảnh giác sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống phức tạp, trong đó chống bạo loạn, lật đổ, âm mưu diễn biến hòa bình, giữ vững ổn định chính trị là nhiệm vụ hàng đầu ; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội phạm, làm chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường sự lãnh đạo thường xuyên của các cấp ủy đối với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh. Tiếp tục giáo dục sâu rộng ý thức xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Thực hiện nghiêm túc quy chế bảo vệ nội bộ, bảo đảm bí mật quốc phòng và an ninh. Xây dựng thế trận phòng thủ trên từng vùng, địa bàn, đặc biệt chú ý khu vực trọng điểm, tuyến biển, đảo Phú Quý, vùng giáp ranh với các tỉnh. Tổ chức diễn tập bảo đảm thực hiện thuần thực cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các ngành làm tham mưu, quân sự chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang.

Nâng cao chất lượng mọi mặt của lực lượng vũ trang, xây dựng bộ đội thường trực vững mạnh theo hướng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Quản lý tốt quân dự bị động viên cùng với các lực lượng khác sẵn sàng chiến đấu. Phát triển và củng cố lực lượng dân quân tự vệ có tổ chức phù hợp, bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng đáp ứng

được nhiệm vụ. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, luật nghĩa vụ quân sự. Đến năm 1997 giải quyết cơ bản tồn đọng sau chiến tranh. Giáo dục bộ đội gương mẫu chấp hành luật pháp, tăng cường quản lý chiến sĩ, giữ nghiêm kỷ luật quân đội, củng cố mối quan hệ truyền thống gắn bó giữa quân đội với nhân dân, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc. Tổ chức sản xuất, xây dựng kinh tế trong quân đội đạt hiệu quả thiết thực, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ.

Xây dựng vững chắc thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm sự ổn định chính trị, không để xảy ra đột biến xấu. Đề cao cảnh giác, thường xuyên nắm tình hình, chủ động có kế hoạch phòng chống các hoạt động gây rối, bạo loạn, phát hiện và trấn áp kịp thời các tổ chức phản cách mạng và các loại tội phạm khác, giữ vững an ninh, làm chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân tham gia công tác phòng và chống tội phạm. Xây dựng nhiều xã, phường, cơ quan, xí nghiệp thành đơn vị an toàn về an ninh trật tự, chú ý các vùng trọng điểm, phức tạp. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong lực lượng công an nhân dân, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, gắn với trang bị từng bước phương tiện nghiệp vụ, kỹ thuật hiện đại. Xây dựng lực lượng công an thực sự trong sạch vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống.

11. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân tập trung vào việc phát huy vai trò làm chủ, động viên mọi tiềm lực cách mạng sáng tạo của các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, góp phần tích cực xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước.

Làm tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Đi đôi với chăm lo phát triển sản xuất, ổn định đời sống, coi trọng việc giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị, thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, gắn quyền hạn với trách nhiệm, lợi ích với nghĩa vụ công dân. Tổ chức, động viên nhân dân giúp nhau, chăm lo các lợi ích thiết thực, giải quyết các vấn đề bức xúc của quần chúng. Mặt trận và các đoàn thể hướng mạnh về cơ sở, củng cố tổ chức, xây dựng thực lực chính trị và quần chúng cốt cán ở cơ sở, sát dân để nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân.

Chăm lo xây dựng giai cấp công nhân phát triển số lượng, nâng cao chất lượng, thực hiện vai trò nòng cốt củng cố khối liên minh công nông, trí thức. Hội nông dân làm nòng cốt tổ chức phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, thực hiện luật đất đai và chính sách ruộng đất hiện hành, bảo đảm cho người thực sự sống bằng nghề nông phải có ruộng đất canh tác ; hỗ trợ, tạo điều

kiện thuận lợi cho nông dân phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Phát huy có hiệu quả đội ngũ trí thức tham gia đi đầu trong việc ứng dụng những thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới quản lý. Tăng cường giáo dục chính trị, bồi dưỡng truyền thống và đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh và pháp luật cho thanh niên ; phát huy vai trò xung kích của thanh niên trong lao động sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đấu tranh chống tiêu cực, xây dựng nếp sống mới. Thực hiện có kết quả phong trào thanh niên lập nghiệp và tuổi trẻ giữ nước, tạo điều kiện cho thanh niên học tập nâng cao kiến thức, tu tạo việc làm. Hội phụ nữ hướng mạnh vào việc chăm lo xây dựng cuộc sống mới, bảo vệ hạnh phúc gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, hạn chế suy dinh dưỡng, xóa mù chữ, tham gia bài trừ tệ nạn xã hội, giúp nhau làm kinh tế gia đình, thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Phát huy vai trò của lực lượng cựu chiến binh, nêu cao hình ảnh anh "Bộ đội cụ Hồ" làm nòng cốt trên nhiều lĩnh vực hoạt động ở cơ sở, địa bàn dân cư. Tiếp tục củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất. Mặt trận đóng vai trò nòng cốt trong việc tập hợp, phát huy sức mạnh các lực lượng và giai tầng xã hội, mở rộng thành viên, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, vận động người Bình Thuận định cư ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương.

Các cấp ủy Đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác quần chúng, củng cố mối quan hệ mật thiết

giữa Đảng với nhân dân. Mọi cán bộ đảng viên đều phải gương mẫu tham gia lãnh đạo quần chúng và chịu sự giám sát của quần chúng ở đơn vị công tác và nơi cư trú.

Cơ quan nhà nước cải tiến tiếp xúc với cử tri, tạo điều kiện để nhân dân phản ánh ý kiến nguyện vọng, tham gia đánh giá hoạt động của đại biểu dân cử và cơ quan nhà nước, bảo đảm quyền của dân giám sát hoạt động của Nhà nước. Thực hiện tốt cơ chế làm chủ của nhân dân thông qua các cơ quan dân cử và làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản. Các cấp chính quyền thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp chặt chẽ với Mặt trận và các đoàn thể để nâng cao hiệu quả hoạt động.

12. Xây dựng Nhà nước vững mạnh của dân, do dân và vì dân.

a) Tăng cường công tác giám sát của HĐND, trước hết là phát huy vai trò giám sát của Thường trực, các Ban và Đoàn đại biểu HĐND, xác định trách nhiệm xử lý kiến nghị của cử tri. Đại biểu của HĐND phải gương mẫu tuyên truyền, giải thích chấp hành pháp luật, tham gia giám sát việc chấp hành pháp luật ở địa phương. Tiếp tục cải tiến nội dung, nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND theo hướng thiết thực, coi trọng chất vấn, trả lời chất vấn, giải quyết những vấn đề do dân nêu ra.

b) Nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đặc biệt là quản lý nhà nước

đối với hoạt động của các thành phần kinh tế, văn hóa - xã hội ; quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường. Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất, giữ nghiêm kỷ luật chấp hành các quyết định của cấp trên. Trong những năm tới tập trung thực hiện cải cách nền hành chính Nhà nước, tiến hành đồng bộ trên cả 3 mặt : Cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng kiện toàn đội ngũ cán bộ theo hướng tiêu chuẩn hóa viên chức Nhà nước.

Về cải cách thể chế hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính ở các lĩnh vực đang có nhiều vướng mắc, tinh giản và loại bỏ những khâu xét duyệt không cần thiết, đùng chạm nhiều đến dân và các doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo sự quản lý theo pháp luật của cơ quan hành chính. Chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính. Coi trọng việc củng cố UBND các cấp, kiện toàn các cơ quan tham mưu, từng bước hoàn thiện phân cấp quản lý giữa tỉnh, ngành và huyện thị, xác định rõ hơn vị trí, chức năng của cấp, kiện toàn chính quyền cấp xã, thực hiện chế độ trưởng thôn. Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn và chuyên sâu. Xác định rõ mối quan hệ thứ bậc trong bộ máy hành chính.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cao, có tinh thần trách nhiệm, đạo đức, phẩm chất cách mạng, xây dựng thái độ phục vụ và làm việc vì

nhân dân. Chú ý bổ sung và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xã phường. Thực hiện chế độ công vụ, quy chế công chức.

c) Cải cách tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp. củng cố, kiện toàn bộ máy, đội ngũ cán bộ tư pháp có chuyên môn vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chí công vô tư, làm trong sạch bộ máy cơ quan tư pháp. Thực hiện chủ trương lập thêm một số tòa chuyên môn. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án theo hướng xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, phạm vi và thẩm quyền của từng cơ quan, cơ chế phối hợp và chế ước lẫn nhau...

Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, làm tốt công tác phát hiện, điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án, bắt giam tội phạm đúng luật.

Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Tổ chức cơ sở Đảng, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và tích cực đấu tranh chống tham nhũng. Vận động quần chúng phát hiện và đấu tranh ngăn chặn từ cơ sở. Tập trung chỉ đạo giải quyết các vụ trọng điểm phức tạp, xử lý kiên quyết, kịp thời và nghiêm minh, tạo niềm tin trong quần chúng.

III - XÂY DỰNG ĐẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA THỜI KỲ MỚI

1. Xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng :

Nghiên cứu, học tập làm thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; tổ chức quán triệt các nghị quyết của Đảng để tăng cường sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí, xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định mục tiêu XHCN, động viên toàn dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ 5 năm 1996- 2000. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng góp phần xây dựng đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh, giữ vững bản chất giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường, phê phán lối sống sa đọa, trụy lạc, chạy theo đồng tiền.

Chủ động kịp thời trong việc nắm bắt và xử lý tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Các cuộc sinh hoạt trong nội bộ Đảng và trong nhân dân, phải khẳng định cái đúng, nhân tố mới để bồi dưỡng phát huy, đồng thời đấu tranh có hiệu quả những việc làm và quan điểm nhận thức lệch lạc, sai trái, tạo sự nhất trí cao về tư tưởng và hành động. Phải hết sức đề cao cảnh giác, không mơ hồ ảo tưởng, kịp thời đập tan mọi hoạt động chống phá trên lĩnh vực tư tưởng và các hoạt động xuyên tạc, gây rối của các phần tử bất mãn, cơ hội, âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, từng tổ chức cơ sở Đảng phải thường xuyên lãnh đạo công tác tư tưởng gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Từng cán bộ đảng viên cũng phải làm công tác tư tưởng cho chính bản thân mình, ra sức bồi dưỡng quan điểm lập trường vững vàng, kiên định càng có ý nghĩa trong tình hình phức tạp hiện nay, đồng thời xây dựng tư tưởng đổi mới nhưng phải bảo đảm nguyên tắc, luật pháp.

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm giáo dục các huyện; củng cố hệ thống báo cáo viên, bảo đảm thông tin nội bộ, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, báo chí, phát thanh truyền hình, văn nghệ sĩ có phẩm chất chính trị và nghiệp vụ để làm công tác giảng dạy, tuyên truyền.

2. Kiện toàn cơ quan lãnh đạo, chấn chỉnh tổ chức cơ sở Đảng :

Thường xuyên củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt chú ý củng cố cấp ủy cơ sở xã, phường và các doanh nghiệp. Kiện toàn các ban của cấp ủy, bố trí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên giỏi và chuyên sâu, đủ năng lực tham mưu cho cấp ủy.

Tiếp tục lập ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan nhà nước và đoàn thể. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa ban cán sự đảng, đảng đoàn với đảng ủy khối và cấp ủy đảng cơ quan. Sắp xếp đầu mối

quản lý các tổ chức cơ sở đảng. Thành lập đảng bộ quản lý khối. Coi trọng củng cố cơ sở đảng ở những địa bàn và lĩnh vực trọng yếu. Nghiên cứu hình thành tổ chức cơ sở đảng trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, các xí nghiệp tư doanh.

Các cơ sở đảng đều phải xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc của mình. Cấp ủy cơ sở tăng cường quản lý đảng viên, đảng viên dù ở cương vị nào cũng phải giữ nghiêm chế độ sinh hoạt. Thực sự phát huy dân chủ nội bộ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn đoàn kết, đấu tranh tự phê bình và phê bình, xây dựng chân tình, thẳng thắn.

Tăng cường kiểm tra đảng viên và tổ chức Đảng thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, chấm dứt sinh hoạt lấy lệ, hình thức. Phấn đấu đến năm 2000 có 70% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở Đảng yếu kém. Làm tốt công tác tạo nguồn, bồi dưỡng phát triển Đảng, từng bước trẻ hóa đội ngũ đảng viên, bình quân hàng năm phát triển 500 đảng viên mới.

3. Tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ :

Trong những năm tới, phấn đấu xây dựng cho được đội ngũ cán bộ vững mạnh và đồng bộ bao

gồm cán bộ lãnh đạo chính trị, quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh, đồng thời tạo ra sự chuyển biến có ý nghĩa quan trọng trên 3 mặt phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, coi đây là khâu có ý nghĩa quyết định.

Hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp đến năm 2010 trong năm 1996 ; sớm khắc phục sự hẫng hụt cán bộ chủ chốt ở xã, phường. Có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ. Chú ý đào tạo cán bộ có kiến thức về quản trị kinh doanh, kinh tế đối ngoại, pháp lý, tin học, ngoại ngữ, cán bộ làm công tác tôn giáo, đoàn thể... Cán bộ lãnh đạo các ngành kinh tế kỹ thuật, các chuyên ngành xã hội phải có trình độ đại học, phần đầu có nhiều cán bộ có trình độ trên đại học. Coi trọng đào tạo ở trường lớp, tự đào tạo và đào tạo trong thực tiễn công tác. Quan tâm đào tạo cán bộ dân tộc ít người, cán bộ cho miền núi, hải đảo, cán bộ nữ, tổ chức đào tạo con em gia đình có truyền thống cách mạng. Bổ sung, hoàn chỉnh chính sách đối với cán bộ được cử đi học ở các trường Trung ương và địa phương. Có chính sách thu hút học sinh là con em Bình Thuận học các trường đại học về phục vụ tại địa phương.

Xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh cán bộ, từng loại công chức, viên chức ở các cấp,

các ngành. Đánh giá cán bộ dựa vào tiêu chuẩn và hiệu quả công tác thực tế, một cách toàn diện, cụ thể, công tâm, dân chủ. Việc bố trí sử dụng phải căn cứ vào yêu cầu công tác, theo phương châm tập hợp, thu hút nhân tài, bảo đảm tính liên tục và kế thừa ; khắc phục những biểu hiện hẹp hòi, cục bộ địa phương. Mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ, cán bộ nữ có đủ tiêu chuẩn và có triển vọng vào cương vị lãnh đạo, quản lý. Đồng thời kiên quyết bãi miễn và đưa ra khỏi cương vị lãnh đạo, quản lý những cán bộ không đủ phẩm chất và năng lực, không đảm đương được nhiệm vụ. Thực hiện chặt chẽ nguyên tắc tập thể, dân chủ đồng thời phát huy trách nhiệm cá nhân bí thư cấp ủy, bí thư ban cán sự, đảng đoàn trong công tác cán bộ. Hoàn chỉnh và thực hiện tốt việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

4. Làm trong sạch Đảng, rèn luyện phẩm chất cách mạng của Đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng : Mọi cán bộ đảng viên phải rèn luyện, học tập để có đủ phẩm chất và năng lực phù hợp với yêu cầu, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu. Đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, giảm sút ý chí chiến đấu, lợi dụng chức quyền, tham nhũng, ức hiếp quần chúng, xa hoa, lãng phí, sống thực dụng, cơ hội, xem nhẹ danh dự người đảng viên và lợi ích của Đảng, phát ngôn vô tổ chức, vô kỷ luật. Khắc phục tình trạng sa sút về phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Bồi dưỡng tính trung thực, trung thành với Đảng, xây dựng nếp sống trong sạch, lành mạnh giản dị, trước hết là cán bộ chủ chốt các cơ quan lãnh đạo các cấp phải gương mẫu. Kiểm tra và xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên làm giàu bất chính vi phạm luật pháp. Xử lý nghiêm khắc mọi biểu hiện bao che tiêu cực và những người lợi dụng dân chủ vu cáo, gây rối nội bộ. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa biến chất về chính trị và đạo đức, những đảng viên không thiết tha với Đảng.

5. Thường xuyên coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ :

Trong tình hình hiện nay, phải coi trọng đặc biệt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, trước hết là bảo vệ quan điểm, đường lối, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Kiên quyết không để những phần tử cơ hội về chính trị, phản động lọt vào hàng ngũ của Đảng. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống âm mưu thủ đoạn mua chuộc làm hư hỏng thoái hóa cán bộ. Kiện toàn Ban bảo vệ chính trị nội bộ tỉnh ủy, bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở các ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở.

6. Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng theo kịp yêu cầu của giai đoạn mới.

Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, Đảng đoàn tiếp tục hoàn thiện quy chế làm việc, đưa hoạt động của mỗi tổ chức Đảng vào nền nếp. Cải tiến việc tổ chức quán triệt nghị quyết đạt hiệu quả thiết thực, tránh hình thức, đồng thời lãnh đạo cụ thể hóa xây dựng và thực hiện có kết quả chương trình hành động, kế hoạch công tác trong từng thời gian, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp thực hiện. Cải tiến sự phân công nhiệm vụ cho từng cấp ủy viên, phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm, năng lực, sở trường của từng cấp ủy viên đối với sự lãnh đạo của tập thể cấp ủy.

Tăng cường vai trò lãnh đạo bảo đảm sự lãnh đạo xuyên suốt ; toàn diện của Đảng đối với cơ quan nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật, lực lượng vũ trang, đồng thời phát huy mạnh mẽ hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò của mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong việc nòng cốt thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xây dựng bổ sung hoàn thiện quy chế về mối quan hệ, nội dung lãnh đạo, tránh bao biện làm thay, đồng thời chống buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

Cán bộ lãnh đạo các cấp phải dành thời gian đi cơ sở, thâm nhập vào quần chúng nghiên cứu, khảo sát, tổng kết thực tiễn. Thực hiện thường xuyên nghiêm túc chế độ kiểm tra chấp hành điều lệ Đảng,

thực hiện nghị quyết của cấp trên và cấp mình, kiểm tra tư cách đảng viên.

Nâng cao chất lượng các quyết định của cấp ủy, làm đúng quy trình ; các đề án quan trọng cần làm thủ, tổ chức lấy ý kiến tập thể trước khi ra quyết định.

*

* *

Đại hội lần thứ 9 Đảng bộ tỉnh có ý nghĩa rất quan trọng, mở đầu cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với tinh thần trách nhiệm và trí tuệ tập thể. Đại hội đề ra nghị quyết đúng đắn, làm cơ sở để phát huy sự đoàn kết thống nhất và sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh, quyết tâm đưa nghị quyết của Đại hội thành hành động cụ thể đi vào cuộc sống, phấn đấu thoát khỏi tình trạng là một tỉnh nghèo, chậm phát triển, cùng với cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

BÁO CÁO

CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI GIẢI TRÌNH MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU QUA THẢO LUẬN Ở CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Để giúp cho Đại hội có cơ sở xem xét tiếp tục thảo luận và biểu quyết những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Đoàn Chủ tịch Đại hội xin giải trình một số vấn đề cụ thể như sau :

1. Về những tiến bộ và kết quả đạt được:

Có một số ý kiến không nhất trí với đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục với *nhịp độ cao*. Cho rằng đánh giá như vậy là chủ quan, chưa sát với thực tế kinh tế địa phương còn nhiều yếu kém, mâu thuẫn với thực trạng vẫn còn là một tỉnh nghèo, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Cũng có ý kiến cho rằng đánh giá sản xuất *nông nghiệp phát triển toàn diện* là mâu thuẫn với nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên.

Đoàn Chủ tịch xin giải trình như sau :

Căn cứ vào đâu để đánh giá nền kinh tế tăng trưởng với nhịp độ cao ? Trước hết, căn cứ vào thực tế phát triển của từng ngành, tính theo GDP ; GDP của từng ngành căn cứ từng sản phẩm cụ thể, đây là phương pháp và kết quả tính toán của ngành thống kê đã công bố chính thức.

Vậy kinh tế tăng trưởng bao nhiêu phần trăm gọi là cao. Vấn đề này, một mặt phải xem xét quá trình phát triển kinh tế của tỉnh ta trong các thời kỳ trước, 5 năm 1986 - 1990 GDP chỉ tăng bình quân 4,9%. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 8 đề ra mức tăng trưởng GDP từ 6 - 7%, Hội nghị Đại biểu giữa nhiệm kỳ điều chỉnh lên 8,5%. Mặt khác, cũng cần xem xét tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước, bình quân trong 5 năm 1991 - 1995 tăng 8,2% - ngang với tốc độ tăng trưởng của một số nước trong khu vực được gọi là phát triển cao ; trong khi đó tốc độ phát triển kinh tế của thế giới bình quân chỉ đạt khoảng 3,5% mỗi năm.

Từ sự phân tích và so sánh như trên, nền kinh tế có mức tăng trưởng GDP bình quân trên 10%/năm được xếp vào loại có tốc độ tăng trưởng cao. Ở tỉnh ta, bình quân tăng 12,04%, vượt xa so với chỉ tiêu Đại hội đề ra và so với mức tăng bình quân cả nước. Với tốc độ tăng đó, được đánh giá tăng trưởng cao là có căn cứ.

Nói kinh tế tăng trưởng với nhịp độ cao, nhưng đời sống nhân dân còn thấp, thực trạng vẫn là một tỉnh nghèo, như vậy có mâu thuẫn không ?

Điều dễ nhận thấy là tỉnh ta vốn nghèo, điểm xuất phát đi lên của tỉnh ta thấp so với mức trung bình của khu vực và cả nước. Trong các nhiệm kỳ trước đây, tuy có nhiều cố gắng, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp, chỉ từ năm 1991 trở lại đây tốc độ phát triển tăng lên đáng kể. Dù tốc độ phát

triển kinh tế ở mức cao, nhưng mới chỉ trong một thời gian 4 năm, trong khi đó tốc độ tăng dân số còn khá cao. Do đó chưa thể khắc phục được tình trạng là một tỉnh nghèo, với điểm xuất phát rất thấp. Và trong 5 năm 1996 - 2000, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 15%, GDP đến năm 2000 tăng gấp đôi năm 1995, tăng như vậy nhưng đến năm 2000 tỉnh ta vẫn chưa thoát khỏi là một tỉnh nghèo. Vì GDP bình quân đầu người chưa đến 400 USD/năm.

Với cách phân tích và so sánh như trên, Đoàn Chủ tịch cho rằng đánh giá như báo cáo là không mâu thuẫn.

Báo cáo của Tỉnh ủy đánh giá sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện là phù hợp với thực tế và cũng không mâu thuẫn với đánh giá nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên. Bởi vì : trong nông nghiệp có hai ngành trồng trọt và chăn nuôi, những năm qua thực tế nhiều loại cây trồng từ nhóm cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp dài và ngắn ngày, kinh tế vườn đều phát triển cả về diện tích ; năng suất và sản lượng (xem bảng thống kê thì rõ), trong chăn nuôi đàn gia súc có sừng, đàn heo, đàn gia cầm đều phát triển, phát triển với tốc độ 14,25%. Rõ ràng, đánh giá như vậy là hoàn toàn có cơ sở.

Sản xuất nông nghiệp phát triển là do nhiều yếu tố. Qua phân tích cho thấy trong đó yếu tố quan trọng là do cơ chế kinh tế mới, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các dịch vụ khuyến nông, vấn đề đầu tư

thủy lợi, hỗ trợ của Nhà nước .v.v... mặc dù diện tích được tưới chủ động ở tỉnh ta mới có 16% so với tổng diện tích canh tác nông nghiệp, nhưng nông nghiệp vẫn phát triển toàn diện, vì yếu tố thủy lợi là quan trọng, chứ không phải là yếu tố duy nhất. Đương nhiên nếu diện tích được tưới chủ động nhiều hơn thì sự phát triển nông nghiệp ở tỉnh ta sẽ còn cao hơn và toàn diện hơn nữa.

2. Về những khuyết điểm, yếu kém

Một số ý kiến không nhất trí hoặc bổ sung một số vấn đề ở từng khuyết điểm, yếu kém. Cụ thể là:

- Không nhất trí với đánh giá trong báo cáo chính trị "Kinh tế xã hội vùng biển chuyển biến chậm" - chỉ thừa nhận mặt xã hội, còn kinh tế thì không.

Trong thực tế ở một số vùng, mặt kinh tế có chuyển biến khá hơn, rõ hơn về mặt xã hội, nhưng trên phạm vi toàn tỉnh, đánh giá phải căn cứ bình diện chung của nhiều vùng kinh tế biển. Nếu so sánh với các vùng đồng bằng, rõ ràng bộ mặt kinh tế vùng biển chuyển biến chậm hơn - chậm hơn về phát triển cơ sở hạ tầng, về chuyển đổi tập quán sản xuất, về các hoạt động dịch vụ, về thu nhập và mức cải thiện đời sống dân cư. Nếu so với mức tăng trưởng GDP của ngành thủy sản 10,5% thì sự chuyển biến về kinh tế xã hội ở vùng biển chưa tương xứng.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào mục đánh giá quốc phòng an ninh khuyết điểm : "Chưa chú trọng

xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân".

Đoàn Chủ tịch cho rằng ý kiến trên là chưa phù hợp. Trên lĩnh vực quốc phòng an ninh ngoài những yếu kém trong báo cáo đã nêu, Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu thêm khuyết điểm là chưa chú trọng đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ. Thực tế trong những năm qua cả về thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân từng bước được củng cố : Bộ đội thường trực thường xuyên huấn luyện, tổ chức diễn tập kế hoạch chống diễn biến hòa bình đạt kết quả khá, lực lượng dân quân tự vệ tăng cường cả về số và chất lượng, có chú ý quản lý quân dự bị động viên. Qua tổng kết 5 năm khẳng định phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc có phát triển. Lực lượng công an nhân dân về cơ bản làm nòng cốt trong đấu tranh ngăn chặn, kiên chế xử lý nhiều tội phạm, liên tục tổ chức các đợt thi đua tạo phong trào rộng lớn thực hiện các chủ trương về phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, không để xảy ra đột biến xấu.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung nhận định : Trong Đảng lưu hành những tài liệu sai trái, bắt đầu có xu hướng dân chủ cực đoan, cơ hội, đa nguyên... Công tác bảo vệ chính trị nội bộ bị buông lỏng, ở các cơ quan đầu não việc tuyển chọn nhân viên thiếu thận trọng.

Đoàn Chủ tịch cho rằng đánh giá : "Trong Đảng lưu hành những tài liệu sai trái" là chưa rõ, vì nói

như vậy có thể hiểu rằng trong Đảng có chỉ đạo, tổ chức hoặc thừa nhận việc lưu hành tài liệu sai trái. Đúng là việc quản lý tài liệu của ta vừa qua còn sơ hở để cho một số cán bộ, đảng viên khai thác và lưu hành một số tài liệu không đúng nguyên tắc. Vấn đề này cần rút kinh nghiệm để chấn chỉnh.

Vấn đề đa nguyên trong Đảng có không ? Nói đa nguyên chung chung là không rõ, hiểu thế nào cho đúng : Theo khái niệm chúng ta thường hiểu nói đa nguyên tức là đa nguyên chính trị, nghĩa là có nhiều quan điểm chính trị khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau. Theo khái niệm này, Đoàn Chủ tịch cho rằng trong Đảng bộ tỉnh ta là không có. Chỉ có tình trạng một số ít đảng viên biểu hiện dân chủ cực đoan, cơ hội, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, nhóm họp, lôi kéo ký tên tập thể, tán phát tài liệu sai nguyên tắc, phát ngôn tùy tiện, thiếu tinh thần xây dựng Đảng. Những biểu hiện trên đây không thể gọi là đa nguyên theo đúng khái niệm đã nêu.

Đoàn chủ tịch cũng không đồng tình với ý kiến cho rằng công tác bảo vệ chính trị nội bộ của ta bị buông lỏng. Máy năm nay, nhất là từ khi có chỉ thị 23 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy rất quan tâm chỉ đạo triển khai cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ này đạt được một số kết quả bước đầu, đương nhiên vẫn còn không ít yếu kém cần khắc phục. Do đó không thể đánh giá là bị buông lỏng. Biểu hiện của sự buông lỏng và hậu quả của nó như thế nào thì không rõ.

3. Về đánh giá chung và nguyên nhân:

Đánh giá chung hay đánh giá tổng quát dùng để khái quát hóa những vấn đề cụ thể đã nêu ở từng phần, tính khái quát ở đây còn bao hàm những vấn đề chủ yếu, cốt lõi nhất có tính chi phối chung. Theo khái niệm đó, đánh giá tổng quát không nhất thiết phải nêu lại một cách đầy đủ tất cả những tiêu đề, những vấn đề chủ yếu đã nêu ở từng phần.

Tuy nhiên, qua ý kiến đóng góp của các đoàn đại biểu, Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu bổ sung vào đánh giá tổng quát ở phần khuyết điểm, yếu kém về quốc phòng an ninh và công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước cho đầy đủ và bao quát hơn.

Có một số ý kiến đề nghị nguyên nhân của những yếu kém khuyết điểm cần phải nêu cụ thể hơn. Đoàn Chủ tịch nhận thấy nêu như báo cáo là đủ. Vì trong nguyên nhân tổng quát đã bao hàm những nguyên nhân cụ thể, những nguyên nhân cụ thể đã gắn với sự đánh giá từng phần cụ thể ; nếu nêu từng nguyên nhân cụ thể sẽ xảy ra tình trạng vừa thiếu, vừa thừa. Mặt khác trong báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành nhiệm kỳ 1992 - 1995, Tỉnh ủy đã kiểm điểm trách nhiệm của mình trước Đại hội.

4. Về các mục tiêu chủ yếu : Tăng tổng sản phẩm nội tỉnh bình quân 15%. Đến năm 2000 huy động vào ngân sách Nhà nước 15 - 16% so với GDP,

GDP bình quân đầu người khoảng gấp đôi so với năm 1995. Đến cuối năm 1997 hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất, năm 2000 có 40% số xã có bác sĩ phụ trách.

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng mục tiêu đề ra là thấp, làm sao để rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng như vậy là cao, không có tính khả thi.

Đoàn Chủ tịch xin giải trình một số mục tiêu chủ yếu như sau.

Về tốc độ tăng trưởng bình quân GDP :

Trong 5 năm qua, mặc dù điểm xuất phát đi lên của tỉnh ta thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, đầu tư nước ngoài còn ít, huy động nguồn vốn cho đầu tư phát triển mới đạt 1350 tỷ đồng, nhưng với chừng đó nguồn lực, cùng với biện pháp quản lý và tổ chức thực hiện tương đối tập trung, nên đã tạo ra tốc độ tăng trưởng GDP bình quân là 12,04%. Trong 5 năm đến, mặc dù còn nhiều khó khăn, song thuận lợi và thời cơ như báo cáo đã xác định là rất quan trọng. Nhưng vấn đề quan trọng hơn và có tính chất quyết định là nguồn vốn được huy động đến mức nào cho đầu tư phát triển. Theo cách tính thông thường để tăng 1 đơn vị GDP cần 3 đơn vị đầu tư phát triển cho nền kinh tế xã hội. Trong 5 năm 1996 - 2000, GDP tăng bình quân hàng năm 15%, đến năm 2000 GDP so với năm 1995 tăng

1657 tỷ đồng. Do đó nhu cầu vốn cho đầu tư trong 5 năm tới sẽ là : 4970 tỷ đồng (1657 x 3).

Trong 5 năm đến, dự kiến khả năng huy động vốn ngân sách 800 tỷ đồng (huy động 14% GDP và chi 35% cho đầu tư phát triển), nguồn vốn của nhân dân và vốn tự có của doanh nghiệp khoảng 2000 tỷ. Số còn lại khoảng 2200 tỷ huy động từ vốn liên doanh, liên kết hợp tác đầu tư trong và ngoài nước (tương ứng 200 triệu đôla).

Phương án huy động vốn của toàn xã hội cho đầu tư phát triển nêu trên có khả năng thực hiện được là *yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự tăng trưởng bình quân GDP 15%*. Đương nhiên còn phải tính toán các nguồn lực và nhiều biện pháp khác mới có thể đạt được mục tiêu đề ra một cách vững chắc.

Nhìn xung quanh ta, các tỉnh trong khu vực trọng điểm cũng đều có tốc độ phát triển tối thiểu là 15%, nếu tỉnh ta không nỗ lực phấn đấu thì chẳng những không rút ngắn khoảng cách tụt hậu, lại còn tụt hậu xa hơn. Điều này trái với quan điểm và mục tiêu chúng ta đã thống nhất.

Theo phương án đã xác định, đến năm 2000 tổng GDP tăng gấp đôi so với năm 1995. Tuy nhiên, với tỷ lệ giảm sinh dân số hàng năm 0,1%, đến năm 2000 số dân tăng thêm khoảng 10 vạn người. Do vậy GDP bình quân đầu người tuy không thể tăng gấp đôi so với năm 1995 về số lượng tuyệt đối,

nhưng nói "khoảng" gấp đôi là hàm ý nhiều hơn hay ít hơn một ít cũng là phù hợp.

Về tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách :

Đến năm 2000 nếu huy động vào ngân sách từ 15 - 16% so với GDP, chúng ta có khoảng 500 tỷ đồng (chưa kể yếu tố trượt giá).

Tỷ lệ huy động GDP phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó có 5 yếu tố cơ bản cần chú ý.

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Hiệu quả của hoạt động kinh tế.
- Hiệu quả của quản lý Nhà nước về kinh tế.
- Chính sách thuế.
- Yếu tố giá.

v.v...

Trong các yếu tố kể trên, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quan trọng nhất.

Thực tế đến năm 1995 tỉnh ta mới huy động 11,6% GDP vào ngân sách nhà nước, trong đó tỷ lệ huy động từ ngành dịch vụ và công nghiệp cao hơn 4 - 5 lần huy động từ nông, lâm nghiệp.

Căn cứ vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế như báo cáo chính trị xác định theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, cùng với sự cải tiến cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế,

thì cho phép đến năm 2000 nâng tỷ trọng huy động vào ngân sách từ 15 - 16% so với GDP là có căn cứ để thực hiện.

Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng mức huy động 15 - 16% là thấp so với bình quân chung cả nước. Đúng là thấp so với mức huy động của cả nước. Vấn đề quan trọng là phải từ điểm xuất phát thực tế, hiện nay mức huy động của cả nước đã đến 21 - 22%, do cơ cấu kinh tế chung cả nước có tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ cao hơn nhiều so với tỉnh ta, trong khi đó mức huy động của ta năm 1995 mới đạt 11,6%. Đến năm 2000 báo cáo chính trị của Trung ương chỉ xác định khoảng 22% - chỉ tiêu của tỉnh ta đề ra 15 - 16% là tích cực, không phải thấp.

- Về mục tiêu xuất khẩu 85 triệu USD vào năm 2000 :

Năm năm 1991 - 1995, mặc dù chưa tận dụng hết khả năng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, chưa chú ý xuất khẩu tại chỗ, dịch vụ gia công thu ngoại tệ, nhưng kim ngạch xuất khẩu đã tăng bình quân hàng năm 25,4%, năm 1991 kim ngạch xuất khẩu đạt 7,357 triệu USD, năm 1995, 18,2 triệu USD, mỗi năm tăng bình quân gần 2,2 triệu USD.

Năm năm tới, kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng nhanh hơn do đẩy mạnh liên doanh liên kết, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng xuất khẩu, một số

nhà máy đã và đang xây dựng sẽ hoàn thành đi vào hoạt động, các cơ sở cũ được đầu tư nâng cấp, mở rộng, đặc biệt chú ý đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ, chế biến nhân hạt điều, tinh bột mì, tăng tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng cá fillet, quan tâm các dịch vụ thu ngoại tệ như khách sạn, sân golf, bán hàng lưu niệm, gia công may mặc, khôi phục thị trường xuất khẩu thủ công mỹ nghệ truyền thống. Đến năm 2000 kim ngạch xuất khẩu đạt 85 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 36,1%. Tốc độ tăng như vậy, rõ ràng là không cao so với khả năng và lợi thế kinh tế của tỉnh, cũng như khả năng quản lý và tổ chức kinh doanh đã giúp ta rút được kinh nghiệm. Nếu phấn đấu tận thu để xuất, đẩy mạnh chế biến, tìm thị trường xuất khẩu thì khả năng đạt mục tiêu đề ra.

Trong 85 triệu USD xuất khẩu năm 2000, hàng hải sản 50 triệu USD, chiếm 59% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó hàng đông 6.000 tấn, tăng hơn 4.000 tấn so với hiện nay, trong đó 3.500 tấn cá fillet, tăng cường chế biến hàng khô xuất khẩu từ 400 tấn hiện nay lên 1.000 tấn vào năm 2.000, quản lý tốt nguyên liệu đưa vào chế biến xuất khẩu các loại nhuyễn thể, tìm thị trường xuất khẩu nước mắm. Hàng nông sản 20 triệu USD, chiếm 23,5%, đầu tư xây mới một nhà máy chế biến hạt điều tại Phan Thiết công suất 10 - 12.000 tấn nguyên liệu năm, 2 phân xưởng chế biến hạt điều Đức Linh, Tánh Linh công suất mỗi nơi 2.000 tấn/năm để đến năm

2000 đạt 3.000 tấn nhân điều xuất khẩu thu 16,5 triệu USD ; ngoài ra xuất 10.000 tấn sản lát hoặc chế biến tinh bột mì để xuất khẩu, 6.000 tấn bắp hạt, 1.000 tấn đậu đỗ các loại. Mặt hàng lâm sản 6 triệu USD, chiếm 7% so với tổng kim ngạch chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ. Đến năm 2.000 đạt 6.000 m³ sản phẩm tăng 4.000 m³ so với hiện nay, tìm thị trường xuất 5.000 m³ ván dăm. Xuất hàng thủ công mỹ nghệ khoảng 1 triệu đôla. Liên kết, liên doanh xuất khẩu các loại sản phẩm từ khoáng sản như muối, nước suối, cát đen, đá trang trí. Đẩy mạnh gia công may mặc từ 93.000 sản phẩm hiện nay lên 1.000.000 sản phẩm năm 2.000, đây là mặt hàng trong thời gian tới có khả năng phát triển mạnh hơn. Coi trọng xuất khẩu tại chỗ, đặc biệt kinh doanh khách sạn, dự kiến khi Khách sạn Vĩnh Thủy đưa vào sử dụng, cùng với du lịch Hàm Tiến, liên doanh Khách sạn Phú Hải doanh thu có thể đạt 1.000.000 USD. Dịch vụ sân golf dự kiến thu xấp xỉ 900.000 USD. Ngoài ra còn thu ngoại tệ qua bán hàng lưu niệm.

Do đó, mục tiêu 85 triệu USD xuất khẩu đến năm 2000 nếu phấn đấu tốt có khả năng đạt được.

5. Về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình làm thay đổi tỷ trọng giữa các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Sự thay đổi về tỷ trọng giữa các ngành trong những năm qua ở tỉnh ta được khẳng định về

cơ bản là đúng hướng, tức là tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp giảm, ngành công nghiệp và dịch vụ tăng lên.

Trong 5 năm đến, bằng các biện pháp tích cực để thúc đẩy sự thay đổi cơ cấu này theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng và nhóm ngành dịch vụ ; đương nhiên ngành nông lâm tiếp tục giảm xuống về tỷ trọng, nhưng tốc độ phát triển và quy mô GDP của ngành vẫn tiếp tục tăng, nhưng sự tăng trưởng đó vẫn thấp so với sự tăng trưởng của ngành công nghiệp và dịch vụ.

Như vậy, rõ ràng là sự tăng lên của ngành công nghiệp, dịch vụ và sự giảm xuống của ngành nông lâm về mặt tỷ trọng phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ và quy mô phát triển của những ngành đó. Còn tốc độ và quy mô phát triển của các ngành kinh tế phải căn cứ vào thực tế đạt được của 5 năm qua, đồng thời lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan của 5 năm đến như : vấn đề đầu tư, tổ chức quản lý, chính sách và cơ chế kinh tế, các biện pháp tổ chức thực hiện .v.v...

Ở đây chỉ phân tích các yếu tố tác động trực tiếp làm thay đổi cơ cấu kinh tế - tức là tốc độ và quy mô phát triển của các ngành kinh tế.

Năm 1995 tổng sản phẩm nội tính tính theo giá thực tế 1638 tỷ, trong đó GDP của ngành nông lâm thủy sản là 810,8 tỷ chiếm 49,5%, riêng thủy sản : 212,4 tỷ chiếm 13%. Ngành công nghiệp - xây

dụng : 335,8 tỷ, chiếm 20,5%, ngành dịch vụ 491,4 tỷ chiếm 30% so với tổng GDP.

Nếu chúng ta chấp nhận phương án về tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm trong 5 năm 1996-2000 của các ngành nông lâm ngư 6 - 7%, công nghiệp 25%, dịch vụ 18 - 20% và tốc độ tăng tổng sản phẩm nội tỉnh là 15%, đương nhiên kết quả về sự thay đổi cơ cấu giữa các ngành như Báo cáo xác định đến năm 2000 là phù hợp : **ngành nông lâm ngư nghiệp 34%, riêng thủy sản 11%, ngành công nghiệp xây dựng 30%, ngành dịch vụ 36%.**

Vấn đề quan trọng hơn là phải có các giải pháp hữu hiệu tổ chức thực hiện cho được các nhiệm vụ chủ yếu đặt ra nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu về tốc độ tăng trưởng GDP của từng ngành vì đó chính là yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.



KẾT QUẢ

BIỂU QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU
TRONG BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ LẦN THỨ 9



Số phiếu phát ra : 345.

Số phiếu thu vào : 345.

1. Về 6 tiến bộ và kết quả đạt được. Trong đó, có đánh giá : "Kết quả có ý nghĩa quan trọng là tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục với nhịp độ cao. Thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đề ra. Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện".

- Nhất trí như báo cáo : 279 phiếu, chiếm 80,87%
- Không nhất trí : 38 phiếu, chiếm 11,01%
- Không có ý kiến : 1 phiếu, chiếm 0,29%
- Ý kiến khác : 25 phiếu, chiếm 7,25%
- Không hợp lệ : 2 phiếu, chiếm 0,58%

2. Về 6 khuyết điểm, yếu kém :

- Nhất trí như báo cáo : 335 phiếu, chiếm 97,10%

- Không nhất trí : 7 phiếu, chiếm 2,03%
- Không có ý kiến : 2 phiếu, chiếm 0,58%
- Không hợp lệ : 1 phiếu, chiếm 0,29%

3. Về đánh giá chung : "Bốn năm qua, Đảng bộ các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đạt kết quả tương đối toàn diện trên nhiều lĩnh vực... Tuy nhiên, thực trạng kinh tế xã hội còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, trình độ sản xuất lạc hậu, tích lũy nội bộ còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng, vẫn còn là một tỉnh nghèo. Một số vấn đề xã hội chuyển biến chậm".

- Nhất trí như báo cáo : 336 phiếu, chiếm 97,39%
- Không nhất trí : 4 phiếu, chiếm 1,16%
- Không có ý kiến : 2 phiếu, chiếm 0,58%
- Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,58%
- Không hợp lệ : 1 phiếu, chiếm 0,29%

4. Về nguyên nhân của những kết quả, tiến bộ và của những khuyết điểm, yếu kém.

- Nhất trí như báo cáo : 327 phiếu, chiếm 94,78%
- Không nhất trí : 10 phiếu, chiếm 2,90%
- Không có ý kiến : 5 phiếu, chiếm 1,45%

- Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,29%
- Không hợp lệ : 2 phiếu, chiếm 0,58%

5. Về các mục tiêu chủ yếu : Tổng sản phẩm nội tỉnh tăng bình quân hàng năm 15%. Đến năm 2000 kim ngạch xuất khẩu đạt 85 triệu USD, sản lượng lương thực 350.000 tấn, tỷ lệ huy động vào ngân sách 15 - 16% so với GDP. Đến cuối năm 1997 hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất. Tỷ lệ giảm sinh hàng năm 0,1%. Bình quân mỗi năm giải quyết 20.000 lao động có việc làm ổn định. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 tăng khoảng 2 lần so với năm 1995. Phần đầu đến năm 2000 có 70% tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở Đảng yếu kém. Bình quân hàng năm phát triển 500 đảng viên mới.

- Nhất trí như báo cáo : 331 phiếu, chiếm 95,44%
- Không nhất trí : 6 phiếu, chiếm 1,74%
- Không có ý kiến : 3 phiếu, chiếm 0,87%
- Ý kiến khác : 4 phiếu, chiếm 1,16%
- Không hợp lệ : 1 phiếu, chiếm 0,29%

6. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế : Đến năm 2000, đưa tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản từ 49,5% năm 1995 xuống còn 34% (riêng ngành thủy sản từ 13% xuống 11%) ; ngành công nghiệp

xây dựng từ 20,5% lên 30% ; ngành dịch vụ từ 30%
lên 36% trong GDP.

- Nhất trí như báo cáo : 334 phiếu, chiếm 96,81%
- Không nhất trí : 4 phiếu, chiếm 1,16%
- Không có ý kiến : 1 phiếu, chiếm 0,29%
- Ý kiến khác : 5 phiếu, chiếm 1,45%
- Không hợp lệ : 1 phiếu, chiếm 0,29%



NGHỊ QUYẾT

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ

TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX



Đại hội đại biểu Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Bình Thuận lần thứ IX họp từ ngày 25 đến ngày 27-4-1996 tại thị xã Phan Thiết.

Sau khi thảo luận và biểu quyết các vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,

QUYẾT NGHỊ

1. Nhất trí thông qua báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VIII) do đồng chí Đặng Văn Hải, Phó Bí thư Tỉnh ủy trình bày.

2. Giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX căn cứ ý kiến thảo luận ở các đoàn đại biểu và kết quả biểu quyết tại Đại hội để chỉnh lý báo cáo trước khi công bố chính thức.

Phan Thiết, ngày 27 tháng 4 năm 1996

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ

TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX

DIỄN VĂN BẾ MẠC

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ

TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX

(Do đồng chí Đinh Trung, Ủy viên Trung ương
Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đọc tại Đại hội ngày 27-5-1996)



Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa các đồng chí và các vị khách quý,

Qua 3 ngày làm việc tích cực, khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao của 348 đại biểu, tiêu biểu cho trí tuệ của Đảng bộ, hôm nay Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã hoàn thành chương trình làm việc.

Trong quá trình làm việc, Đại hội đã phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ, thảo luận, tranh luận sôi nổi và đi đến nhất trí cao với nội dung các Báo cáo trình Đại hội :

- Nhất trí thông qua bản tổng hợp ý kiến của Đảng bộ góp ý cho các văn kiện dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương khóa 7 chuẩn bị trình ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng

và Đại hội đã tiến hành biểu quyết, thể hiện xu hướng về những vấn đề chủ yếu còn có ý kiến khác nhau.

- Nhất trí thông qua dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII trình Đại hội. Đại hội khẳng định những tiến bộ và kết quả đạt được về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, công tác quần chúng trong 5 năm qua, chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém, nguyên nhân khách quan, chủ quan, rút ra những bài học sâu sắc trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt công tác. Trên cơ sở quán triệt những quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy phát triển kinh tế - xã hội làm nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng làm nhiệm vụ then chốt, Đại hội đã có nhiều ý kiến xác đáng, tham gia xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, những giải pháp chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) và nhất trí cao khi thông qua nghị quyết Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành mới gồm 43 đồng chí có phẩm chất chính trị vững vàng, có năng lực, trí tuệ, có khả năng nắm bắt thực tiễn để tổ chức lãnh đạo thực hiện nghị quyết của Đại hội. Ban chấp hành có cơ cấu tương đối hợp lý theo hướng trẻ hóa dần, vừa mang tính ổn định, vừa bảo đảm tính kế thừa chuyển tiếp. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng gồm 12 đồng chí đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết. Đây là kết quả quan trọng của Đại hội chúng ta.

Chúng ta trân trọng báo cáo với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh rằng : Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí Đại biểu,

Thưa các đồng chí và các vị khách quý.

Thành công của Đại hội là kết quả của một quá trình quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng theo tinh thần chỉ thị 51, của quá trình chỉ đạo thành công Đại hội Đảng các cấp từ cơ sở ; đồng thời là quá trình chuẩn bị công phu, chu đáo cả về nội dung và nhân sự của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII, được sự chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ của Ban Bí thư Trung ương Đảng ; sự hướng dẫn, giúp đỡ của các ban Trung ương cùng với tinh thần làm việc đầy trách nhiệm, chấp hành nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức của Đảng của tất cả các đại biểu dự Đại hội. Đó là kết quả của việc phát huy dân chủ và trí tuệ của toàn Đảng bộ từ các đồng chí đảng viên ở cơ sở đến cấp ủy các cấp, các đồng chí cán bộ, đảng viên đã nghỉ hưu, của cán bộ, cốt cán và các đoàn thể nhân dân.

Đại hội chúng ta chân thành cảm ơn sự có mặt của các đồng chí lãnh đạo và chuyên viên các ban Trung ương đã theo dõi, chỉ đạo Đại hội, cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình Trung ương đã kịp thời đưa tin kết quả Đại hội, cảm ơn đoàn đại biểu tỉnh Tuyên Quang kết nghĩa và các tỉnh bạn, các đoàn thể, ban ngành, các

tổ chức quần chúng, các tôn giáo trong tỉnh đã gửi điện, thư, lẵng hoa đến chúc mừng Đại hội. Đại hội cảm ơn đại diện các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh qua các thời kỳ. Đại hội chúng ta hoan nghênh và biểu dương ngành văn hóa thông tin, các phóng viên báo, đài ở địa phương, các đơn vị bảo vệ, y tế bảo vệ sức khỏe, cán bộ, chuyên viên, công nhân viên của các ban, ngành đã tập trung công sức phục vụ, góp phần vào thành công của Đại hội.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương các ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã tổ chức phong trào hành động cách mạng, thi đua lao động sản xuất và công tác, lập thành tích chào mừng Đại hội.

Thành công của Đại hội đã tạo ra nguồn sức mạnh và khí thế mới để Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta tăng cường đoàn kết, nhất trí vượt qua khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội.

Thưa các đồng chí Đại biểu,

Thành công của Đại hội là rất quan trọng nhưng chỉ mới là bước đầu, điều cấp thiết và quan trọng hơn là sau Đại hội này, các đoàn đại biểu dự Đại hội, các cấp ủy khẩn trương báo cáo nhanh kết quả Đại hội và có kế hoạch triển khai, đưa nghị

quyết Đại hội thành mục tiêu của phong trào hành động cách mạng sôi nổi, rộng khắp trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị, làm cho nghị quyết của Đại hội trở thành niềm tin và ý chí của mọi người, phấn đấu góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh trên quê hương Bình Thuận.

Đại hội đề nghị các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể các cấp từ tỉnh đến cơ sở tổ chức đợt nghiên cứu nhằm quán triệt sâu sắc nội dung nghị quyết của Đại hội kết hợp với nghị quyết Đại hội của Đảng bộ mình, xây dựng chương trình hành động, các đề án công tác, với yêu cầu mục tiêu cụ thể, thiết thực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả, bảo đảm cho nghị quyết Đại hội nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh hãy tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí xung quanh Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nắm chắc thời cơ, phát huy những yếu tố thuận lợi và những kết quả đạt được, ra sức khắc phục, vượt qua khó khăn thách thức, tập trung mọi nỗ lực thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1996-2000, trước mắt là thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 1996, lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin long trọng
tuyên bố bế mạc Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh
Bình Thuận lần thứ IX.

Xin chúc sức khỏe tất cả các đồng chí Đại biểu
và các vị khách quý.

**Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn
năm.**

**Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi
trong sự nghiệp của chúng ta.**



ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

Phan Thiết, ngày 17-5-1996

— ★ —

Số : 02 CT/TU

CHỈ THỊ

V/v tổ chức quán triệt Nghị quyết

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 9



Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ 9 đã thành công tốt đẹp. Đại hội ra Nghị quyết về đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội 8, xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp chủ yếu của nhiệm kỳ 1996 - 2000.

Sau Đại hội, vấn đề quan trọng là phải biến nghị quyết Đại hội trở thành hiện thực đi vào cuộc sống. Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức cơ sở Đảng, các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghị quyết Đại hội trong toàn Đảng bộ, trong cán bộ, công nhân viên và trong nhân dân.

1. Mục đích, yêu cầu :

- Bảo đảm cho tất cả cán bộ, đảng viên đều được nghiên cứu, quán triệt nghị quyết Đại hội ;

qua đó làm cho cán bộ, đảng viên nhất trí cao với những nội dung về đánh giá tình hình, nắm vững các quan điểm và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng ; xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể trong 5 năm 1996 - 2000.

- Qua nghiên cứu, quán triệt nghị quyết Đại hội, từng cấp, từng ngành cụ thể hóa, và xây dựng chương trình hành động, kế hoạch hàng năm cho sát hợp. Trên cơ sở đó, động viên mọi nguồn lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội.

2. Phương pháp tiến hành :

a) Ở tỉnh :

+ Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức quán triệt nghị quyết cho cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể và cán bộ hưu trí cao cấp tại thị xã Phan Thiết.

+ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy mở lớp quán triệt Nghị quyết cho cán bộ khoa học kỹ thuật và chuyên viên chính ở các ngành cấp tỉnh.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tổ chức cho các nhân sĩ, công thương gia, chức sắc tôn giáo quán triệt Nghị quyết Đại hội.

b) Ở huyện, thị, đảng ủy trực thuộc :

Thường vụ huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc tỉnh mở Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng đến Bí thư, Phó Bí thư chi, đảng ủy cơ sở, Chủ tịch và Phó

Chủ tịch UBND xã, phường để nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết.

c) Ở cơ sở :

Chi, Đảng ủy cơ sở phối hợp với ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và Thủ trưởng cơ quan tổ chức cho đảng viên, cán bộ, công nhân viên thuộc đơn vị mình để nghiên cứu nghị quyết.

Các xã, phường, thị trấn ngoài việc tổ chức quán triệt Nghị quyết cho đảng viên, cần tổ chức cho quần chúng nhân dân học tập Nghị quyết Đại hội bằng các hình thức thích hợp.

3. Về tài liệu :

Các lớp ở tỉnh, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc sử dụng tập văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 9. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy soạn đề cương phổ biến Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở và cho nhân dân.

4. Thời gian nghiên cứu quán triệt Nghị quyết cần hoàn thành cả 3 cấp vào cuối tháng 7-1996.

Việc tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 9 có ý nghĩa hết sức quan trọng, Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh, các đồng chí Bí thư Huyện, Thị ủy, Đảng ủy, Bí thư các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Thủ trưởng các ban ngành và Bí thư

cơ sở Đảng phải trực tiếp chỉ đạo và phổ biến Nghị quyết một cách nghiêm túc, chu đáo.

Đi đôi với việc tổ chức quán triệt ở từng cấp, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, Ban cán sự Đảng các ngành cấp tỉnh, Đảng đoàn các đoàn thể, Mặt trận tỉnh căn cứ nội dung nghị quyết, xây dựng chương trình hành động, đề ra biện pháp thiết thực, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

Các phương tiện thông tin đại chúng có kế hoạch mở các chương mục tuyên truyền, giới thiệu nội dung Nghị quyết bằng những hình thức sinh động, phù hợp với từng đối tượng.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có kế hoạch hướng dẫn việc học tập Nghị quyết, theo dõi kết quả triển khai, tổng hợp báo cáo cho Thường vụ Tỉnh ủy để chỉ đạo.

Nơi nhận :

- BCS Đảng UBND tỉnh.
- Đảng đoàn HĐND tỉnh.
- Các huyện, thị ủy,
Đảng ủy trực thuộc.
- Các Ban của Tỉnh ủy.
- BCS, Đảng đoàn các
cơ quan cấp tỉnh.
- Lưu VPTV.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Bí thư

Đã ký : ĐINH TRUNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Diễn văn khai mạc Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ IX.	3
- Báo cáo của Tỉnh ủy Bình Thuận tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX.	10
- Báo cáo của Đoàn Chủ tịch Đại hội giải trình một số vấn đề chủ yếu qua thảo luận ở các đoàn đại biểu còn có ý kiến khác nhau.	71
- Kết quả biểu quyết một số vấn đề chủ yếu trong báo cáo của Tỉnh ủy trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX.	86
- Nghị quyết Đại hội.	90
- Diễn văn bế mạc Đại hội.	91
- Chỉ thị về tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX.	97

INDEX

1	Die erste Reise nach dem Norden
2	Die zweite Reise nach dem Norden
3	Die dritte Reise nach dem Norden
4	Die vierte Reise nach dem Norden
5	Die fünfte Reise nach dem Norden
6	Die sechste Reise nach dem Norden
7	Die siebente Reise nach dem Norden
8	Die achte Reise nach dem Norden
9	Die neunte Reise nach dem Norden
10	Die zehnte Reise nach dem Norden
11	Die elfte Reise nach dem Norden
12	Die zwölfte Reise nach dem Norden
13	Die dreizehnte Reise nach dem Norden
14	Die vierzehnte Reise nach dem Norden
15	Die fünfzehnte Reise nach dem Norden
16	Die sechzehnte Reise nach dem Norden
17	Die siebenzehnte Reise nach dem Norden
18	Die achtzehnte Reise nach dem Norden
19	Die neunzehnte Reise nach dem Norden
20	Die zwanzigste Reise nach dem Norden
21	Die einundzwanzigste Reise nach dem Norden
22	Die zweiundzwanzigste Reise nach dem Norden
23	Die dreiundzwanzigste Reise nach dem Norden
24	Die vierundzwanzigste Reise nach dem Norden
25	Die fünfundzwanzigste Reise nach dem Norden
26	Die sechsundzwanzigste Reise nach dem Norden
27	Die siebenundzwanzigste Reise nach dem Norden
28	Die achtundzwanzigste Reise nach dem Norden
29	Die neunundzwanzigste Reise nach dem Norden
30	Die dreißigste Reise nach dem Norden
31	Die einunddreißigste Reise nach dem Norden
32	Die zweiunddreißigste Reise nach dem Norden
33	Die dreiunddreißigste Reise nach dem Norden
34	Die vierunddreißigste Reise nach dem Norden
35	Die fünfunddreißigste Reise nach dem Norden
36	Die sechsunddreißigste Reise nach dem Norden
37	Die siebenunddreißigste Reise nach dem Norden
38	Die achtunddreißigste Reise nach dem Norden
39	Die neununddreißigste Reise nach dem Norden
40	Die vierzigste Reise nach dem Norden
41	Die einundvierzigste Reise nach dem Norden
42	Die zweiundvierzigste Reise nach dem Norden
43	Die dreiundvierzigste Reise nach dem Norden
44	Die vierundvierzigste Reise nach dem Norden
45	Die fünfundvierzigste Reise nach dem Norden
46	Die sechsundvierzigste Reise nach dem Norden
47	Die siebenundvierzigste Reise nach dem Norden
48	Die achtundvierzigste Reise nach dem Norden
49	Die neunundvierzigste Reise nach dem Norden
50	Die fünfzigste Reise nach dem Norden
51	Die einundfünfzigste Reise nach dem Norden
52	Die zweiundfünfzigste Reise nach dem Norden
53	Die dreiundfünfzigste Reise nach dem Norden
54	Die vierundfünfzigste Reise nach dem Norden
55	Die fünfundfünfzigste Reise nach dem Norden
56	Die sechsundfünfzigste Reise nach dem Norden
57	Die siebenundfünfzigste Reise nach dem Norden
58	Die achtundfünfzigste Reise nach dem Norden
59	Die neunundfünfzigste Reise nach dem Norden
60	Die hundertste Reise nach dem Norden

Giấy phép xuất bản số : 57/GPXB, do Sở Văn
hóa Thông tin Bình Thuận cấp ngày 21-5-1996.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6-96

Số lượng : 950 cuốn ; Khổ 13 x 19cm.

In tại Xí nghiệp In Bình Thuận.

May 1900
No. 1000
1000
1000